

BẢN TIN

THỊ TRƯỜNG SẢN PHẨM NÔNG NGHIỆP

BAN CHỈ ĐẠO BỘ CÔNG THƯƠNG

CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI

Số 9 năm 2021



Đơn vị thực hiện:

- CỤC CÔNG THƯƠNG ĐỊA PHƯƠNG

- TRUNG TÂM THÔNG TIN CÔNG NGHIỆP VÀ THƯƠNG MẠI

Bản tin

THỊ TRƯỜNG SẢN PHẨM NÔNG NGHIỆP

BAN CHỈ ĐẠO BỘ CÔNG THƯƠNG

CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI

SỐ 9 NĂM 2021

THÁNG 9 NĂM 2021

ĐƠN VỊ THỰC HIỆN:



Cục Công Thương địa phương



Trung tâm Thông tin
Công nghiệp và Thương mại

Ý kiến phản hồi đề nghị liên hệ:
Trung tâm Thông tin
Công nghiệp và Thương mại

Địa chỉ:
Tầng 6 - 655 Phạm Văn Đồng,
Bắc Từ Liêm - Hà Nội
Tel: (024) 37152585
Fax: (024) 37152574

MỤC LỤC

- 3 **TỔNG QUAN**
THÔNG TIN THỊ TRƯỜNG NỘI ĐỊA
- 4 Giá một số mặt hàng nông, lâm, thủy sản tiếp tục tăng trong tháng 9/2021
- 6 Chi phí vận tải tăng cao là lực cản lớn đến xuất khẩu của các doanh nghiệp
THÔNG TIN THỊ TRƯỜNG XUẤT KHẨU
- 8 Triển vọng xuất khẩu nông, lâm, thủy sản phụ thuộc vào diễn biến dịch Covid-19
- 11 Xuất khẩu nông, lâm, thủy sản sang thị trường Nhật Bản dự kiến sẽ tăng mạnh hơn trong những tháng cuối năm
- 16 Kim ngạch xuất khẩu nông, lâm, thủy sản sang thị trường Hàn Quốc tăng gần 10% trong 8 tháng năm 2021
THÔNG TIN SẢN XUẤT - XÚC TIẾN THƯƠNG MẠI
- 19 Ninh Bình xây dựng thương hiệu nông thủy sản
- 20 Đẩy mạnh hoạt động xúc tiến thương mại tại Australia
- 21 Bưởi Soi Hà được chứng nhận chỉ dẫn địa lý
- 21 Doanh nghiệp Hàn Quốc cần tìm nhà cung cấp chậu, giỏ hoa
THÔNG TIN CHÍNH SÁCH - ĐẦU TƯ
- 22 Bộ Công Thương điều tra áp dụng biện pháp chống lẩn tránh phòng vệ thương mại đường mía
- 23 Nhiều doanh nghiệp xuất khẩu cá tra, basa của Việt Nam không bị áp thuế chống bán phá giá của Mỹ
THỊ TRƯỜNG NÔNG SẢN THẾ GIỚI
- 24 Giá nông sản thế giới biến động trái chiều trong tháng 9/2021
- 25 Bồ Đào Nha đẩy mạnh nhập khẩu hàng nông, lâm, thủy sản
- 29 **TIN VĂN**

Trong 9 tháng đầu năm 2021, diễn biến phức tạp của dịch Covid-19 đã ảnh hưởng nghiêm trọng đến mọi lĩnh vực của nền kinh tế, đặc biệt là lĩnh vực thương mại và dịch vụ, khiến tăng trưởng GDP trên cả nước chỉ đạt 1,42% so với cùng kỳ năm trước. Trong bối cảnh này, mặc dù chuỗi cung ứng sản xuất - chế biến - tiêu thụ các sản phẩm nông, lâm nghiệp và thủy sản gặp rất nhiều khó khăn do các địa phương thực hiện giãn cách xã hội, nhưng nhìn chung khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản vẫn đóng vai trò là bệ đỡ của nền kinh tế với năng suất lúa tăng cao, chăn nuôi tăng trưởng ổn định và kim ngạch xuất khẩu tăng trưởng khá. Khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản đạt tốc độ tăng 2,74%, đóng góp 23,52% trong mức tăng chung của toàn nền kinh tế trong 9 tháng qua. Trong đó, ngành nông nghiệp tăng 3,32%; ngành lâm nghiệp tăng 3,3% và ngành thủy sản tăng 0,66%.

Trong lĩnh vực xuất khẩu, nhờ hàng loạt chính sách tháo gỡ khó khăn trong sản xuất và xuất khẩu của Chính phủ, cùng với việc nhiều địa phương bắt đầu nới lỏng giãn cách, hoạt động xuất khẩu nhóm nông, lâm, thủy sản đã có tín hiệu tích cực hơn trong tháng 9/2021, đưa

tổng kim ngạch xuất khẩu nhóm nông, lâm, thủy sản trong 9 tháng đầu năm 2021 ước đạt 31,3 tỷ USD, tăng 17,2% so với cùng kỳ năm trước, chiếm 13% tỷ trọng trên tổng kim ngạch xuất khẩu hàng hóa của cả nước. Trong quý IV/2021, triển vọng xuất khẩu nhóm nông, lâm, thủy sản phụ thuộc rất lớn vào nỗ lực, quyết tâm cao của cả hệ thống chính trị, các doanh nghiệp và người lao động, đặc biệt là kết quả của việc kiểm soát dịch bệnh cộng với tiến trình đẩy mạnh tiêm vaccine cho người lao động trong các doanh nghiệp sản xuất và chế biến.

Giá nhiều mặt hàng nông sản tại thị trường trong nước tăng sau khi nhiều địa phương trên cả nước nới lỏng giãn cách xã hội. Cuối tháng 9/2021, giá gạo IR NL 504 dao động ở mức 8.000 đồng/kg, tăng 5,3% so với cuối tháng 8/2021; gạo thành phẩm IR 504 ở mức 9.000 đồng/kg, tăng 3,4%; hạt tiêu đen tại Tây Nguyên tăng 3,8% lên 81.500 đồng/kg, đánh dấu mức cao nhất trong gần 4 năm. Tuy nhiên, việc thực hiện giãn cách xã hội tại các tỉnh thành phía Nam khiến các nhà máy chế biến ở ĐBSCL giảm công suất và giảm thu mua, kéo theo giá cá tra tại ĐBSCL giảm 4,5% so với cuối tháng trước xuống còn 21.000 - 22.000 đồng/kg.

MỘT SỐ THÔNG TIN ĐÁNG CHÚ Ý:

- ▶ Trong tháng 9/2021, cước phí vận tải biển tiếp tục tăng cao. Theo số liệu từ Công ty tư vấn Drewry World, chỉ số tổng hợp WCI đo lường cước vận tải của 8 tuyến đường vận tải biển chính trên thế giới tính đến ngày 23/9/2021 đã tăng lên mức cao kỷ lục 10.377 USD, tăng tới 299% so với cùng kỳ năm 2020.
- ▶ Ngày 21/9/2021, Bộ Công Thương đã ban hành Quyết định số 2171/QĐ-BCT về việc điều tra áp dụng biện pháp chống lẩn tránh biện pháp phòng vệ thương mại đối với sản phẩm đường mía có xuất xứ từ Thái Lan bị cáo buộc lẩn tránh thông qua 5 nước ASEAN.
- ▶ Ngày 1/9/2021, Bộ Thương mại Mỹ (DOC) đã ban hành kết luận sơ bộ đợt rà soát hành chính thuế chống bán phá giá lần thứ 17 (POR17) cho giai đoạn từ ngày 1/8/2019 đến ngày 31/7/2020 đối với cá tra, basa của Việt Nam.

GIÁ MỘT SỐ MẶT HÀNG NÔNG, LÂM, THỦY SẢN TIẾP TỤC TĂNG TRONG THÁNG 9/2021

Trong tháng 9/2021, giá gạo tiếp tục tăng trong khi hạt tiêu và cà phê ghi nhận mức cao nhất trong nhiều năm qua.

+ Mặt hàng lúa gạo: Theo số liệu của ngành nông nghiệp các tỉnh Đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL), hiện nay Cần Thơ, Long An, Đồng Tháp, Hậu Giang... đã thu hoạch dứt điểm lúa Hè Thu. Cần Thơ, Hậu Giang cũng đang thu hoạch sớm một phần diện tích lúa Thu Đông.

Việc các tỉnh ĐBSCL nới lỏng giãn cách xã hội cũng hỗ trợ giá gạo tăng so với tháng trước. Tính đến ngày 27/9/2021, giá gạo IR NL 504 dao động ở mức 8.000 đồng/kg, tăng 400 đồng/kg so với cuối tháng 8/2021; gạo TP IR 504 ở mức 9.000 đồng/kg, tăng 300 đồng/kg; Cám vàng đạt 6.600 đồng/kg và tấm 1 IR 504 dao động 7.300 - 7.400 đồng/kg, tăng lần lượt là 700 đồng/kg và 500 đồng/kg.

Ngược lại, giá lúa tại An Giang giảm 100 – 200 đồng/kg so với cuối tháng trước. Lúa IR 50404 giảm xuống còn 4.700 đồng/kg; OM 5451 và lúa OM 6976 giảm xuống còn 5.000 - 5.200 đồng/kg; Lúa OM 18 cũng giảm xuống 5.500 - 5.600 đồng/kg.

Trên thị trường quốc tế, giá gạo trắng 5% tấm chào bán của Việt Nam tăng mạnh 35 USD/tấn so với một tháng trước, lên mức 415 – 420 USD/tấn, dù không có nhiều khách hàng quay trở lại đặt hàng do chi phí vận chuyển cao và giao hàng chậm. Việc nới lỏng các biện pháp giãn cách có thể khiến hoạt động giao dịch sẽ phục hồi trong thời gian tới. Tuy nhiên giá gạo Thái Lan và Ấn Độ duy trì ở mức thấp sẽ kìm chế đà tăng của giá gạo Việt Nam.

+ Mặt hàng cà phê: Trong tháng 9/2021, giá cà phê tại nhiều vùng nguyên liệu trọng điểm Tây Nguyên tiếp tục ổn định ở mức 40.700 đồng/kg. Mức giá này cao hơn 18% so với đầu năm nay và tăng 25,6% so với cùng kỳ năm ngoái. Trước đó, việc giãn cách xã hội khiến hoạt động chế biến và xuất khẩu cà phê của Việt Nam bị gián đoạn. Cùng với đó, sương giá và thời tiết khắc nghiệt tại Brazil càng khiến thị trường lo ngại việc nguồn cung cà phê cho thế giới thời gian tới sẽ giảm mạnh. Điều này đã đẩy giá cà phê lên mức cao nhất trong 4 năm.

+ Mặt hàng hạt tiêu: Giá hạt tiêu tại các tỉnh Tây Nguyên tiếp tục tăng thêm 3.000 đồng/kg trong tháng 9 lên mức 81.500 đồng/kg, cao nhất trong gần 4 năm. Đà tăng giá này được dự báo sẽ còn tiếp tục trong những tháng cuối năm do sản lượng hạt tiêu của Việt Nam cũng như một số nước sản xuất hạt tiêu lớn như Brazil, Indonesia bị ảnh hưởng của biến đổi khí hậu nên sản lượng năm 2021 giảm mạnh.



+ Mặt hàng thủy sản: Việc thực hiện giãn cách xã hội tại các tỉnh, thành phố phía Nam khiến các nhà máy chế biến ở ĐBSCL đều giảm công suất chế biến, giảm thu mua, từ đó khiến giá cá tra tại

ĐBSCL giảm xuống còn 21.000-22.000 đồng/kg, thấp hơn chi phí giá thành.

Theo Hiệp hội chế biến và xuất khẩu thủy sản Việt Nam, từ giữa tháng 7 đến nay, do áp dụng kiểm soát dịch bệnh ở các tỉnh ĐBSCL nên đã ảnh hưởng nặng nề đến ngành thủy sản nói chung, trong đó ngành cá tra thiệt hại rất lớn. Cụ thể, số lượng nhà máy cá tra hoạt động "3 tại chỗ" công suất chỉ đạt 20-30%. Tại thành phố Cần Thơ, hầu hết các nhà máy đều tạm ngừng hoạt động.

Dự kiến bước vào tháng 10, nhiều doanh nghiệp vẫn chưa lên được kế hoạch mở lại sản xuất. Bên cạnh đó, việc thiếu hụt nhân lực do cách ly, nhiễm bệnh, thiếu

hụt tài chính để vận hành... cũng là trở ngại lớn để các doanh nghiệp phục hồi sản xuất trở lại.

+ Mặt hàng cao su: Trong tháng 9, giá thu mua mủ cao su của Tổng Công ty Cao su Đồng Nai giảm 1.200 đồng/kg so với tháng trước, dao động ở mức 8.900 – 12.700 đồng/kg. Sau thời gian ngưng cạo mủ để phòng chống dịch, các hộ cao su tiêu diện ở Bình Dương, Đồng Nai, Bình Phước, Tây Ninh đã trở lại khai thác, khi các hạn chế đi lại đã dần được dỡ bỏ. Bên cạnh đó các công ty, nông trường quốc doanh cũng đã bắt đầu khai thác mủ trở lại khi đa số công nhân khai thác đã được tiêm vaccine phòng COVID-19.

Tham khảo giá nông, lâm, thủy sản tại thị trường trong nước ngày 27/9/2021

Tên hàng	Ngày 27/9/2021 (đồng/kg)	So với ngày 29/8/2021 (%)	So với đầu năm 2021 (%)	So với cùng kỳ năm 2020 (%)
Gạo NL IR 504 tại ĐBSCL	8.000	5,3	-18,8	-8,6
Gạo thành phẩm IR 504 tại ĐBSCL	9.000	3,4	-19,6	-10,0
Tấm gạo IR 504 tại ĐBSCL	7.400	7,2	-25,3	-17,8
Cám vàng tại ĐBSCL	6.600	11,9	-4,3	13,8
Giá lúa tại An Giang				
Lúa IR 50404	4.700	-4,1	-30,9	-21,7
Lúa OM 9582	4.900	0,0	-30,0	-19,0
Lúa Đài thơm 8	5.800	0,0	-19,4	-36,3
Lúa OM 5451	5.200	-1,9	-24,6	-14,8
Lúa OM 6976	5.000	-3,8	-27,5	-18,0
Lúa OM 18	5.600	-3,4	-20,0	-37,1
Cà phê nhân xô tại Tây Nguyên	40.700	0,0	18,0	25,6
Tiêu đen Tây Nguyên và Nam Bộ	81.500	3,8	50,9	59,8
Cá tra thịt trắng loại 1 tại Đồng Tháp	22.000	0,0	4,8	18,9
Tôm càng xanh tại Đồng Tháp (15 - 25 con/kg)	200.000	11,1	0,0	-28,6
Cá tra thịt trắng tại An Giang	21.000	-4,5		
Tôm càng xanh tại An Giang	185.000	-2,6		
Giá thu mua cao su của Tổng Công ty Cao su Đồng Nai				
Loại 1 (đ/độ TSC)	315	-5,4	-7,4	11,3
Loại 2 (đ/độ TSC)	308	-5,5	-7,5	10,0
Mủ nước tại vườn	34.000	-5,6	-7,6	11,5
Mủ chén dây khô	12.700	-8,6	9,5	13,4
Mủ chén dây vừa	11.700	-9,3	10,4	14,7

Nguồn: Trung tâm Thông tin Công nghiệp và Thương mại tổng hợp

CHI PHÍ VẬN TẢI TĂNG CAO LÀ LỰC CẢN LỚN ĐẾN XUẤT KHẨU CỦA CÁC DOANH NGHIỆP

Trong thời gian qua, ảnh hưởng của các biện pháp kiểm soát nhằm ngăn chặn sự lây lan của dịch Covid-19 khiến hoạt động logistics đối với nhóm hàng nông, thủy sản gặp rất nhiều khó khăn. Trong đó, nổi bật nhất là tình trạng khan hiếm container rỗng, cước vận chuyển liên tục gia tăng, làm tăng chi phí của doanh nghiệp và giảm sức cạnh tranh của hàng nông, thủy sản trên thị trường thế giới.



Hiện logistics đối với các mặt hàng nông, thủy sản gồm chuỗi các hoạt động như lưu trữ hàng hóa, bao bì, đóng gói, kho bãi, làm thủ tục hải quan, luân chuyển hàng hóa.... Trong đó, hàng nông, lâm, thủy sản chủ yếu được vận chuyển bằng đường bộ, đường biển hoặc đường sắt nhờ tính linh hoạt và chi phí thấp hơn so với đường hàng không. Các phương thức này hầu hết đều phải sử dụng các container vận chuyển. Tuy nhiên, nhu cầu tiêu thụ toàn cầu cải thiện đáng kể trong bối cảnh hàng loạt các nền kinh tế chủ chốt phục hồi đã gây ra tình trạng khan hiếm container rỗng trong vận chuyển hàng hóa nói chung và hầu hết các mặt hàng nông, lâm, thủy sản nói riêng như gạo, cà phê, thủy sản, rau quả hay gỗ và sản phẩm gỗ... Đây là một trong những nguyên nhân chính dẫn tới giá cước vận chuyển liên tục tăng trong hơn 1 năm qua. So với thời điểm trước khi đại dịch Covid-19 bùng phát vào năm 2020,

đặc biệt là từ giai đoạn cuối năm 2020, giá cước container hàng nông, thủy sản xuất khẩu từ Việt Nam tới Mỹ, châu Âu đã bị đẩy tăng rất mạnh và hiện chưa có tín hiệu hạ nhiệt, khiến giá thành sản phẩm tăng theo, làm giảm sức cạnh tranh và giảm giá trị xuất khẩu của doanh nghiệp. Bên cạnh đó, khó khăn trong hoạt động vận chuyển còn dẫn tới rủi ro không hoàn thành kịp đơn hàng cho đối tác, làm mất uy tín và gây thiệt hại cho doanh nghiệp.

Theo thông tin từ các doanh nghiệp, phí thuê container đi từ Việt Nam (cho cả container hàng khô và hàng lạnh) liên tục tăng đột biến. Trong đó, nếu như giá vận chuyển container lạnh từ Việt Nam đi cảng Los Angeles (Mỹ) đầu năm 2020 là 1.800 USD/cont, tháng 12/2020 là 4.000 USD/cont, đến tháng 5/2021 là 8.000 USD/cont, thì đến thời điểm này đã lên tới khoảng 11.000 USD/cont. Ngoài ra, giá vận chuyển container hàng khô từ Việt Nam đi Israel hoặc tới cảng Klaipeda (cảng biển duy nhất của Litva) cũng đã tăng gấp 4-5 lần so với thời điểm cuối năm 2020.

Đồng thời, cước phí vận tải biển đi từ các nước khác cũng đang tăng cao kỷ lục. Theo số liệu từ Công ty tư vấn Drewry World, chỉ số tổng hợp World Container Index (WCI) đo lường cước vận tải của 8 tuyến đường vận tải biển chính trên thế giới tính đến ngày 23/9/2021 tiếp tục tăng lên mức cao kỷ lục 10.377 USD, tăng 11,2% so với cuối tháng 7/2021 và tăng tới 299% (tương đương tăng gấp gần 4 lần) so với cùng kỳ năm 2020. Trong đó, riêng giá cước vận chuyển một container cỡ 40 feet chứa hàng từ Thượng Hải (Trung Quốc) đến Rotterdam (Hà Lan) tính đến ngày 23/9/2021 đạt tới 14.356 USD, tăng mạnh gấp 6,3 lần (tương đương tăng 528%) so với cùng kỳ năm trước, đánh dấu những mức cước vận chuyển cao kỷ lục từ năm 2011 đến nay.

Tham khảo giá cước vận chuyển đường biển đối với một container cỡ 40 feet qua các lộ trình

Chặng	23/9/2021 (USD)	29/7/2021 (USD)	Ng23/9/2020 (USD)	So với cuối tháng 7/2021 (%)	So với cuối tháng 9/2020 (%)
Chỉ số tổng hợp	10.377	9.330	2.601	11,2	299
Thượng Hải (Trung Quốc) - Rotterdam (Hà Lan)	14.356	13.352	2.286	7,5	528
Rotterdam - Thượng Hải	1.626	1.710	1.290	-4,9	26
Thượng Hải - Genoa (Italia)	13.646	12.761	2.791	6,9	389
Thượng Hải - Los Angeles (Hoa Kỳ)	12.424	10.503	3.919	18,3	217
Los Angeles - Thượng Hải	1.404	1.408	518	-0,3	171
Thượng Hải - New York	15.849	13.434	4.717	18,0	236
New York – Rotterdam	1107	1.256	551	-11,9	101
Rotterdam - New York	6.179	5.351	2.433	15,5	154

Nguồn: Drewry

Việc thiếu hụt container tại các cảng biển, cùng với giãn cách xã hội tại nhiều địa phương trong quý III/2021 đã khiến một số cảng chính ngừng hoạt động hoặc ứ đọng khối lượng hàng lớn do giảm nhân sự làm việc, khiến nhiều lô hàng xuất khẩu bị ách tắc, trở thành "lực cản" đối với các doanh nghiệp khi phải trả thêm chi phí lưu trữ hàng hóa, kho bãi, kho lạnh. Các yếu tố này đã ảnh hưởng nặng nề đến hoạt động xuất khẩu nhóm hàng nông, thủy sản của Việt Nam, dẫn đến tình trạng nhu cầu tiêu thụ của thế giới tăng nhưng doanh nghiệp trong nước rất khó để giao hàng đúng hạn.

Ngoài ra, theo khảo sát của Cục Chế biến và Phát triển thị trường nông sản (Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn), mặc dù khu vực ĐBSCL có hệ thống sông dài 28.000 km, trong đó 23.000 km có khả năng khai thác vận tải, chiếm 70% chiều dài đường sông cả nước, nhưng hiện có tới 70% lượng hàng hóa xuất khẩu mỗi năm phải chuyển về Tp. Hồ Chí Minh hoặc cảng Cái Mép bằng đường bộ khiến giá thành sản phẩm bị đội lên rất nhiều. Trong khi đó, số kho lạnh ở khu vực này còn hạn chế so với nhu cầu bảo quản nông, thủy sản, lại phân bố không đồng đều, tập

trung chủ yếu tại Long An, Hậu Giang và Cần Thơ. Những yếu tố này đang gây trở ngại đáng kể cho việc bảo quản các mặt hàng nông, thủy sản có đặc thù tươi, sống khi vào vụ thu hoạch hoặc tại những thời điểm vận chuyển hàng hóa ách tắc trước ảnh hưởng của dịch Covid-19.

Trong bối cảnh dịch Covid-19 vẫn diễn biến phức tạp, để có thể hỗ trợ các doanh nghiệp sản xuất, xuất khẩu nông, thủy sản trong nước, việc thực thi và triển khai các biện pháp giảm chi phí logistics để góp phần giảm giá thành sản phẩm, nâng cao tính cạnh tranh cho nông, thủy sản Việt Nam là rất quan trọng, nhất là trong bối cảnh chi phí logistics cho xuất khẩu nông sản của nước ta trung bình chiếm tỷ lệ khoảng 20 - 25%, khá cao so với mức 10 - 15% của các nước trong khu vực. Trong đó, những vấn đề cấp thiết nhất là phát triển hệ thống cơ sở hạ tầng logistics, đẩy mạnh công tác quy hoạch và thu hút đầu tư xây dựng các trung tâm logistics nông sản, kho lạnh để phân loại, bảo quản, sơ chế nhằm bảo đảm chất lượng nông sản tươi sống, nâng cao giá trị gia tăng cho sản phẩm, đồng thời kết nối các phương thức vận tải đường thủy và đường sắt để phát huy sức mạnh tổng thể logistics.

THÔNG TIN THỊ TRƯỜNG XUẤT KHẨU



Triển vọng xuất khẩu

NÔNG, LÂM, THỦY SẢN

phụ thuộc vào diễn biến dịch Covid-19

Trong tháng 9/2021, xuất khẩu nông, lâm, thủy sản vẫn trong xu hướng giảm trong bối cảnh nhiều địa phương trên cả nước duy trì thực hiện giãn cách xã hội và phương thức hoạt động 3 tại chỗ. Trong thời gian này, các doanh nghiệp nông, lâm, thủy sản tiếp tục nỗ lực duy trì sản xuất để đảm bảo cung ứng sản phẩm cho tiêu thụ nội địa và cả các đơn hàng xuất khẩu, nhưng đồng thời cũng đối mặt với rất nhiều khó khăn về vấn đề nuôi trồng, khai thác, thu hoạch, duy trì hoạt động chế biến, vận chuyển, giao hàng trong điều kiện phòng chống dịch nghiêm ngặt.

Theo số liệu của Tổng cục Hải quan, kim ngạch xuất khẩu nhóm nông, lâm, thủy sản trong nửa đầu tháng 9/2021 chỉ đạt

1,27 tỷ USD, giảm 21,2% so với nửa cuối tháng 8/2021. Tuy nhiên, sau khi Chính phủ ban hành Nghị quyết số 105/NQ-CP ngày 9/9/2021 với chủ trương hỗ trợ, tháo gỡ kịp thời các khó khăn, vướng mắc, điểm nghẽn cản trở hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp trước tác động bởi dịch bệnh Covid-19, cùng với việc một số địa phương bắt đầu nới lỏng giãn cách từ ngày 21/9/2021 và nhất là sau khi Thủ tướng Chính phủ ban hành Chỉ thị số 26/CT-TTg ngày 21/9/2021 về việc thúc đẩy sản xuất, lưu thông, tiêu thụ và xuất khẩu nông sản trong bối cảnh phòng chống dịch bệnh Covid-19, hoạt động xuất khẩu hàng hóa nói chung và nhóm nông, lâm, thủy sản nói riêng đã có tín hiệu tích cực hơn trong nửa cuối tháng 9/2021.

Ước tính, tổng kim ngạch xuất khẩu 10 mặt hàng nông, lâm, thủy sản chủ lực (gồm hạt tiêu, hạt điều, gạo, rau quả, thủy sản, cao su, cà phê, chè, sắn và các sản phẩm từ sắn, gỗ và sản phẩm gỗ) trong tháng 9/2021 đạt 2,94 tỷ USD, tăng 1,5% so với tháng trước, nhưng vẫn giảm 11,3% so với cùng kỳ năm 2020.

Nguyên nhân chính khiến xuất khẩu nông, lâm, thủy sản giảm so với tháng 9/2020 là do xuất khẩu 2 mặt hàng thủy sản, gỗ và sản phẩm gỗ giảm mạnh, trong khi các mặt hàng còn lại đạt tốc độ tăng trưởng khá hoặc chỉ giảm nhẹ dưới 2%. Trong đó, xuất khẩu thủy sản trong tháng 9/2021 ước giảm 26,8% xuống 600 triệu USD; xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ ước giảm tới 35,3% xuống 750 triệu USD. Đây là 2 mặt hàng phụ thuộc nhiều vào nguồn nguyên liệu và hoạt động sản xuất, chế

biến. Dịch bệnh lây lan nhanh, khó kiểm soát và phải giãn cách xã hội trong hơn 2 tháng qua đã làm nhiều chuỗi cung ứng nguyên liệu của các mặt hàng này bị đứt gãy. Hàng loạt trung tâm lớn về chế biến gỗ của cả nước đều nằm ở khu vực Đông Nam Bộ gồm Bình Dương, Đồng Nai và TP. Hồ Chí Minh. Các tỉnh, thành phố phía Nam, khu vực chịu ảnh hưởng mạnh nhất của đợt dịch Covid-19 lần thứ 4, cũng là nơi tập trung tới 70% sản lượng nuôi trồng, chế biến thủy sản cả nước. Trong đó, cá tra tập trung 100% tại ĐBSCL với sản lượng 1,55 triệu tấn, sản lượng tôm trên 780.000 tấn chiếm 85% sản lượng tôm cả nước; các sản phẩm khai thác là 1,74 triệu tấn, chiếm 47% sản lượng thủy sản khai thác toàn quốc. Đây là những nguyên nhân chính khiến xuất khẩu 2 mặt hàng này giảm mạnh trong tháng 9 vừa qua.

Ước tính xuất khẩu nhóm nông, lâm, thủy sản trong tháng 9 và 9 tháng năm 2021 (Lượng: Nghìn tấn; Trị giá: Triệu USD)

Mặt hàng chủ yếu	Năm 2021				So sánh (%)			
	Ước tính tháng 9		Ước tính 9 tháng		Ước T9/2021 so với T9/2020		Ước 9T/2021 so với 9T/2020	
	Lượng	Kim ngạch	Lượng	Kim ngạch	Lượng	Kim ngạch	Lượng	Kim ngạch
Tổng kim ngạch xuất khẩu		27.500		241.024		1,2		19,0
Nhóm nông, lâm, thủy sản		2.938		31.277		-11,3		17,2
Tỷ trọng		10,7		13,0				
Thủy sản		600		6.169		-26,8		2,4
Rau quả		250		2.770		5,2		11,1
Hạt điều	50	340	425	2.653	-2,8	10,8	16,6	14,9
Cà phê	120	245	1.197	2.253	20,3	30,3	-4,2	4,4
Chè	12	22	92	155	-10,9	-1,2	-6,3	-1,4
Hạt tiêu	15	61	213	719	-17,8	33,5	-3,3	46,9
Gạo	530	261	4.516	2.390	37,9	33,7	-9,5	-2,4
Sắn và các sp từ sắn	200	88	2.154	856	8,4	20,8	11,8	26,4
- Sắn	40	18	715	190	136,1	300,3	43,6	68,4
Cao su	195	321	1.303	2.173	-5,1	21,2	17,1	52,7
Gỗ và sản phẩm gỗ		750		11.139		-35,3		30,9
- Sản phẩm gỗ		420		8.395		-55,0		30,9

Nguồn: Số liệu ước tính Liên bộ (gồm: Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Công Thương, Ngân hàng Nhà nước, Tổng cục Thống kê, Tổng cục Hải quan)



Tính chung 9 tháng đầu năm 2021, tổng kim ngạch xuất khẩu nhóm nông, lâm, thủy sản ước đạt 31,3 tỷ USD, tăng 17,2% so với cùng kỳ năm trước, chiếm 13% tỷ trọng trên tổng kim ngạch xuất khẩu hàng hóa của cả nước, thấp hơn so với mức tỷ trọng chiếm 13,2% trong 9 tháng đầu năm 2020. Tốc độ tăng xuất khẩu thấp hơn đáng kể nếu so với tốc độ tăng trưởng đạt gần 29% trong 6 tháng đầu năm 2021 - giai đoạn xuất khẩu nông, lâm, thủy sản chưa chịu nhiều ảnh hưởng bởi sự bùng phát của làn sóng dịch Covid-19 lần thứ 4.

Giá hàng hóa toàn cầu tăng cao cộng với nhu cầu tiêu thụ phục hồi tại nhiều đối tác thương mại chủ chốt khiến hàng loạt mặt hàng đạt mức tăng trưởng khá tốt về kim ngạch như: hạt tiêu (tăng 46,9%); Gỗ và sản phẩm gỗ (tăng 30,9%); Sắn và các sản phẩm từ sắn (tăng 26,4%); Hạt điều (tăng 14,9%); Rau quả (tăng 11,1%).

Hai mặt hàng xuất khẩu lớn nhất trong 9 tháng qua là gỗ và sản phẩm gỗ và thủy sản, kim ngạch lần lượt đạt 11,1 tỷ USD (chiếm 35,6% tổng kim ngạch xuất khẩu nhóm hàng này) và 6,2 tỷ USD (chiếm 19,7%). Các thị trường xuất khẩu trọng điểm của 2 mặt hàng này là Mỹ, EU và Nhật Bản.

Đối với thủy sản, xuất khẩu sang Mỹ và EU chiếm lần lượt khoảng 23% và 1,5% tỷ trọng trên tổng kim ngạch. Trong 8 tháng đầu năm 2021, xuất khẩu sang 2 thị trường này đã phục hồi đáng kể với tốc

độ tăng 27% (đối với Mỹ) và 10% (đối với EU) so với cùng kỳ năm trước. Tuy nhiên, dịch Covid -19 bùng phát mạnh tại khu vực trọng tâm của thủy sản Việt Nam, gây khó khăn lên hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp. So với tháng 7/2021, số doanh nghiệp tham gia xuất khẩu thủy sản trong tháng 8/2021 đã giảm đi hơn 100 đơn vị và nếu so với cùng kỳ năm 2020, số doanh nghiệp tham gia xuất khẩu giảm hơn 150 đơn vị. Diễn biến này đang tạo sức ép lớn đến mục tiêu xuất khẩu của toàn ngành trong năm 2021.

Đối với gỗ và sản phẩm gỗ: Từ đầu năm 2021 đến nay, kim ngạch xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ sang tất cả các thị trường chủ lực đều ghi nhận tốc độ tăng trưởng cao. Theo số liệu của Tổng cục Hải quan, trong 8 tháng đầu năm 2021, xuất khẩu sang Mỹ đạt trên 6,3 tỷ USD, tăng 57,2% so với cùng kỳ năm 2020; xuất khẩu sang Nhật Bản đạt 931,5 triệu USD, tăng 13,7%; xuất khẩu sang Trung Quốc đạt 1,01 tỷ USD, tăng 23,8%; xuất khẩu sang EU đạt 778 triệu USD, tăng 33%... Trước những khó khăn do ảnh hưởng của dịch Covid-19, các doanh nghiệp ngành gỗ vẫn đang nỗ lực tập trung để hoàn thành các đơn hàng xuất khẩu và chỉ tiêu sản xuất, xuất khẩu đặt ra từ đầu năm.

Đối với nhóm hàng nông sản: Trung Quốc tiếp tục là thị trường xuất khẩu lớn nhất đối với các mặt hàng nông sản, chiếm tỷ trọng khoảng 35% trên tổng kim ngạch xuất khẩu nông sản của cả nước. Trong 8 tháng đầu năm 2021, kim ngạch xuất khẩu nông sản sang Trung Quốc đạt 4,3 tỷ USD, tăng 30,3% so với cùng kỳ năm trước; tiếp theo là xuất khẩu tới EU đạt gần 2 tỷ USD, tăng 11%; xuất khẩu tới Mỹ với 1,2 tỷ USD, tăng 9,1%; xuất khẩu tới Philippin 914 triệu USD, giảm 1,5%...

Trong 2 tháng gần đây, mặc dù các mặt hàng thủy sản và đồ gỗ sụt giảm do ảnh hưởng của giãn cách xã hội và khó khăn trong vận chuyển, nhất là trong bối cảnh các thị trường chủ lực của 2 mặt hàng này gồm Mỹ và EU đều có vị trí địa

lý xa, nhưng nhìn chung xuất khẩu nhiều mặt hàng nông sản vẫn duy trì tốc độ tăng khá nhờ nhu cầu tiêu thụ của Trung Quốc ở mức cao. Tuy nhiên, xuất khẩu các mặt hàng nông sản sang Trung Quốc đang đối mặt với nhiều khó khăn do phía Trung Quốc tăng cường siết chặt kiểm soát, có thời điểm tạm dừng thông quan tại các cửa khẩu phía Bắc và liên tục tăng cường áp dụng các tiêu chuẩn về kiểm dịch nguồn gốc, xuất xứ, nhãn mác, kiểm soát chặt chẽ về tiêu chuẩn chất lượng hàng hóa, vệ sinh an toàn thực phẩm đối với mặt hàng nông sản, hoa quả, trái cây xuất khẩu, trong đó có trái thanh long tươi.

Trong quý IV/2021, dịch Covid-19 sẽ tiếp tục ảnh hưởng đến hoạt động giao

Xuất khẩu nông, lâm, thủy sản

SANG THỊ TRƯỜNG NHẬT BẢN

dự kiến sẽ tăng mạnh hơn trong những tháng cuối năm

Theo số liệu của Tổng cục Hải quan, do ảnh hưởng đợt giãn cách xã hội tại TP. Hồ Chí Minh và các tỉnh phía Nam, xuất khẩu nhóm hàng nông, lâm, thủy sản của Việt Nam sang thị trường Nhật Bản trong tháng 8/2021 giảm 18,3% so với cùng kỳ năm ngoái, đạt 220,04 triệu USD.

Tuy nhiên tính chung 8 tháng đầu năm 2021, xuất khẩu nhóm hàng này sang thị trường Nhật Bản vẫn tăng 6,7% so với cùng kỳ năm 2020, đạt 461,52 triệu USD.

Với việc các địa phương phía Nam, nơi sản xuất nông, lâm, thủy sản lớn nhất cả nước, đã kiểm soát được dịch bệnh và dần nới lỏng giãn cách xã hội, xuất khẩu sang thị trường Nhật Bản được kỳ vọng sẽ tăng mạnh hơn trong những tháng cuối năm nay.

Hiện nay, Nhật Bản đang là thị trường xuất khẩu nông, lâm, thủy sản có nhiều

thương, vận chuyển, hàng hóa và tác động trực tiếp đến khu vực sản xuất cũng như chế biến nông, lâm, thủy sản xuất khẩu. Trong khi đó, tình trạng thiếu hụt container khiến chi phí vận chuyển liên tục tăng mạnh từ cuối năm 2020 đến nay và chưa có dấu hiệu hạ nhiệt. Vì vậy, triển vọng xuất khẩu nhóm nông, lâm, thủy sản những tháng cuối năm vẫn đang phụ thuộc rất lớn vào kết quả của việc kiểm soát dịch bệnh, tiến trình đẩy mạnh tiêm vaccine cho người lao động trong các doanh nghiệp sản xuất, chế biến và đặc biệt là sự nỗ lực, quyết tâm cao của cả hệ thống chính trị, các doanh nghiệp và người lao động.

tiềm năng. Việt Nam và Nhật Bản đang là thành viên của 3 Hiệp định thương mại tự do (FTA) song phương, đa phương gồm: Hiệp định Đối tác kinh tế Việt Nam - Nhật Bản (VJFTA), Hiệp định Đối tác kinh tế toàn diện ASEAN - Nhật Bản (AJCEP) và Hiệp định Đối tác toàn diện và tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP). Việc hai nước cùng tham gia những Hiệp định này tạo rất nhiều cơ hội và điều kiện thuận lợi cho mở rộng hợp tác thương mại song phương trên nhiều lĩnh vực, trong đó có các mặt hàng nông, lâm, thủy sản.



Hàng nông sản thực phẩm của Việt Nam ngày càng được người tiêu dùng Nhật Bản đón nhận. Tập đoàn AEON, nhà phân phối lớn của Nhật Bản có kế hoạch sẽ nâng giá trị xuất khẩu hàng Việt Nam sang Nhật Bản lên 1 tỷ USD vào năm 2025, gấp khoảng 4 lần so với năm 2017.

Theo chuyên gia tư vấn thương mại quốc tế của Tổ chức xúc tiến thương mại Nhật Bản (JETRO), bình quân cứ 2,17 người/1 hộ gia đình sẽ tiêu thụ sản phẩm đóng gói nhỏ hoặc khẩu phần thức ăn nhỏ. Thị trường thực phẩm bán lẻ như siêu thị, cửa hàng tiện lợi của Nhật Bản có quy mô khoảng 409 tỷ USD; thị trường phục vụ thức ăn như khách sạn, nhà hàng, khoảng 227 tỷ USD.

Những mặt hàng nông, thủy sản và thực phẩm mà Nhật Bản có nhu cầu nhập khẩu nhiều hiện nay là cá, sản phẩm chế biến từ cá, tôm, lươn, thịt và những sản phẩm từ thịt, đậu nành, sản phẩm từ ngũ cốc, rau quả (xoài, thanh long, nho...).

Trong khi đó, Việt Nam có thể mạnh về những mặt hàng trên và có khả năng cung ứng cho thị trường Nhật Bản.

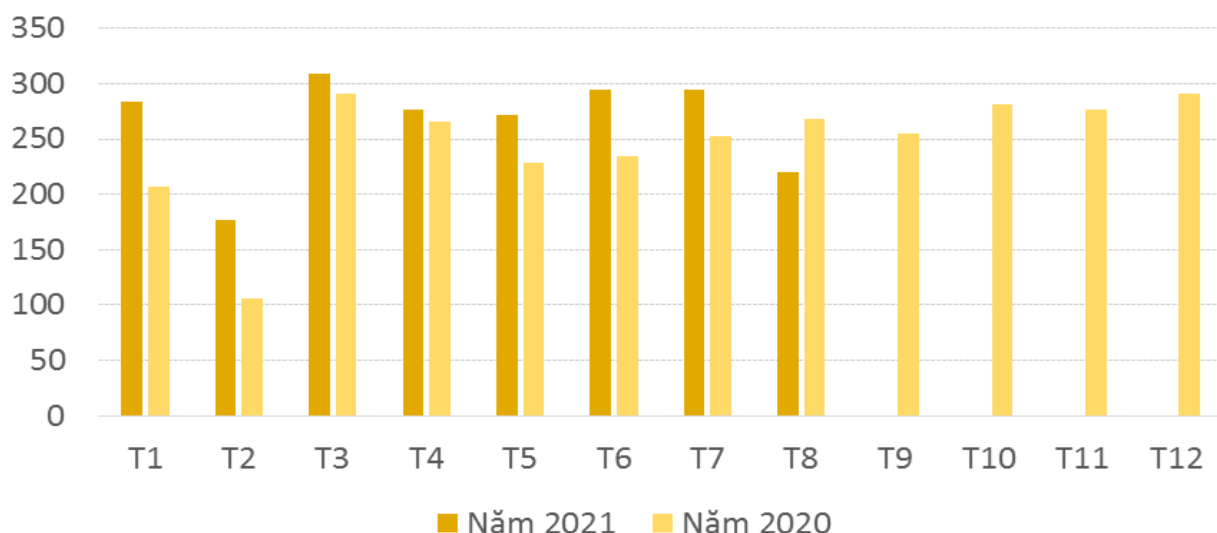
Về xu hướng tiêu dùng mặt hàng nông sản, thực phẩm, người dân Nhật Bản quan tâm nhất tới vấn đề an toàn cho sức khỏe, sau đó mới đến giá cả, tính tiện lợi và thực phẩm cao cấp là ưu tiên cuối cùng.

Mặt khác, người tiêu dùng Nhật Bản cũng quan tâm đến đa dạng các mặt hàng nông sản nhập khẩu, từ các sản phẩm tươi, cấp đông, đóng hộp, khô, chế biến, nước ép...

Tuy nhiên, các chuyên gia cũng khuyến cáo khi xuất khẩu hàng nông sản, thực phẩm của Việt Nam sang Nhật Bản, các doanh nghiệp cần chú ý đến chất lượng sản phẩm và các tiêu chuẩn kỹ thuật khắt khe của thị trường này. Sản phẩm phải phù hợp với luật vệ sinh môi trường của Nhật Bản và qua các bước kiểm dịch động thực vật trước khi được vào được thị trường khó tính này.

Ngoài ra, các doanh nghiệp cũng cần quan tâm đến xu hướng tiêu dùng của người Nhật Bản đối với hàng nông sản, thực phẩm. Đồng thời, các doanh nghiệp cần ghi rõ trên bao bì của sản phẩm các thông tin về thành phần dinh dưỡng, cách chế biến, bảo quản, thành phần nào có thể gây dị ứng, hạn sử dụng...

Kim ngạch xuất khẩu nông, thủy sản của Việt Nam sang thị trường Nhật Bản năm 2020- 2021 (ĐVT: nghìn USD)



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Trong tháng 8/2021, có 3 mặt hàng xuất khẩu sang Nhật Bản giảm mạnh so với cùng kỳ năm ngoái là gỗ và sản phẩm gỗ (giảm 17,2%), thủy sản (giảm 36,3%) và hạt tiêu (giảm 12,5%). Ngược lại, cà phê, rau quả, hạt điều, cao su lại tăng mạnh so với cùng kỳ năm trước.

Tính chung 8 tháng đầu năm 2021, kim ngạch xuất khẩu hầu hết mặt hàng đều tăng so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, gỗ và sản phẩm gỗ vẫn là mặt hàng

xuất khẩu lớn nhất của Việt Nam sang thị trường Nhật Bản với 931,44 triệu USD, tăng 13,7% so với cùng kỳ năm 2020.

Kim ngạch xuất khẩu cà phê, hàng rau quả, hạt điều, hạt tiêu, cao su sang thị trường Nhật Bản cũng tăng 15 - 40% trong 8 tháng đầu năm 2021.

Riêng thủy sản và sắn và các sản phẩm từ sắn giảm lần lượt là 3,7% và 84,7% so với 8 tháng năm 2020.

Xuất khẩu nông, lâm, thủy sản của Việt Nam sang thị trường Nhật Bản trong 8 tháng đầu năm 2021

Tên hàng	Tháng 8/2021		So với tháng 8/2020 (%)		8 tháng năm 2021		So với 8 tháng năm 2020 (%)	
	Lượng	Trị giá	Lượng	Trị giá	Lượng	Trị giá	Lượng	Trị giá
Tổng kim ngạch		220.037		-18,3		2.133.066		6,7
Gỗ và sản phẩm gỗ		96.194		-17,2		931.446		13,7
Hàng thủy sản		77.618		-36,3		879.580		-3,7
Cà phê	11.375	22.656	30,3	45,9	78.788	152.623	3,4	15,4
Hàng rau quả		16.165		58,1		109.774		22,8
Hạt điều	676	4.775	13,2	25,4	5.948	39.627	37,6	35,1
Cao su	1.141	2.181	33,6	84,4	6.967	13.720	3,0	39,0
Hạt tiêu	136	449	-49,6	-12,5	2.272	6.126	-8,2	29,4
Sắn và các sản phẩm từ sắn					275	170	-88,5	-84,7

Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan

Cà phê:

Nhờ hương vị mạnh, thơm và giá rẻ, cà phê Robusta của Việt Nam đang thiết lập sự hiện diện vững chắc tại thị trường Nhật Bản, cạnh tranh với Brazil đang giữ vị trí là nước xuất khẩu cà phê lớn nhất sang Nhật Bản.

Mặt khác, sự gắn gũi về vị trí địa lý giúp cà phê Robusta của Việt Nam có lợi thế ở thị trường Nhật Bản vì quãng đường vận chuyển cà phê từ Việt Nam sang Nhật Bản chỉ bằng một nửa so với cà phê Arabica từ các nước Mỹ Latinh. Trong các nước sản xuất cà phê ở Đông Nam Á, Việt Nam là nước bảo đảm nguồn cung ổn định hơn cả nhờ sản lượng lớn. Đây là lợi thế cho ngành cà phê Việt Nam ở thị trường này.



Hàng rau quả:

Theo Bộ Nông nghiệp Mỹ (USDA), nhu cầu nhập khẩu rau quả tươi Nhật Bản gần như đã bão hòa vào giai đoạn 2016-2020, trong khi nhập khẩu các sản phẩm từ quả, và các sản phẩm chế biến từ rau quả vẫn có tiềm năng phát triển.

Nhu cầu tiêu dùng trái cây tươi đang giảm với người tiêu dùng trẻ, song nhu cầu quả tươi lại tăng lên đối với người cao tuổi với xu hướng thích trái cây có vị ngọt, dễ bóc và dễ chuẩn bị. Đây là cơ hội cho các loại trái cây nhiệt đới của Việt Nam, đặc biệt là các loại quả như chuối, xoài, thanh long, vải đã được phép xuất khẩu sang Nhật Bản. Nhu cầu của thị trường Nhật Bản cho các loại quả tươi này là rất lớn, nhưng sản xuất trong nước chỉ đáp ứng được một phần rất nhỏ.

Đối với một số loại trái cây Nhật Bản có thể sản xuất giống với Việt Nam như quả vải, sản lượng của quả vải trồng ở Nhật Bản chỉ đáp ứng khoảng 5% thị phần tiêu thụ tại Nhật Bản và chỉ có thể thu hoạch trong khoảng thời gian từ giữa tháng 6 đến giữa tháng 7. Chính vì sản lượng thấp và khan hiếm như vậy, quả vải nội địa được bán như là một mặt hàng cao cấp,

đặc biệt là quả vải trồng ở tỉnh Miyazaki. Quả vải ở đây có thể được bán trực tiếp từ người nông dân đến người tiêu dùng, với giá bán gần 10 USD/quả. Việt Nam nếu tận dụng được sản lượng cao, yếu tố mùa vụ và công nghệ chế biến, sẽ có thể cung cấp sản phẩm vải tươi, vải đông lạnh hoặc đóng hộp cho khách hàng Nhật Bản suốt cả năm.

Trong 8 tháng đầu năm nay, các sản phẩm chế biến từ rau quả xuất khẩu của Việt Nam sang Nhật Bản đạt 58,55 triệu USD, tăng 12,6% so với cùng kỳ năm ngoái. Đáng chú ý, các sản phẩm chế biến từ trái cây xuất khẩu của Việt Nam sang Nhật Bản đã tăng gấp 4 lần so với cùng kỳ năm trước, lên mức 16,41 triệu USD.

Nhật Bản hiện cũng đang là một trong những thị trường xuất khẩu hoa lớn nhất của Việt Nam với kim ngạch 26,7 triệu USD, tăng 17,5% so với 8 tháng năm 2020.

Đặc biệt, kim ngạch xuất khẩu nhóm trái cây tươi của Việt Nam sang Nhật Bản trong 8 tháng đầu năm 2021 đã tăng mạnh 89% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, những mặt hàng trái cây như xoài, dưa, chuối, thanh long, vải... đều tăng mạnh.

Kim ngạch xuất khẩu một số loại rau hoa quả của Việt Nam sang Nhật Bản trong 8 tháng đầu năm 2021

Tên hàng/nhóm hàng	8 tháng năm 2021 (nghìn USD)	So với 8 tháng năm 2020 (%)
Sản phẩm chế biến	58.557	12,6
Trái cây	16.413	324,0
Cà tím	12.288	-14,1
Khoai lang	6.852	85,1
Khoai tây	3.143	-20,2
Rau củ	3.102	89,1
Hạnh nhân	2.818	107,6
Ngô	2.237	-6,7
Hoa	26.707	17,5
Hoa cúc	22.607	19,5
Hoa lan hồ điệp	1.922	-12,3
Quả	25.838	89,0

Tên hàng/nhóm hàng	8 tháng năm 2021 (nghìn USD)	So với 8 tháng năm 2020 (%)
Xoài	4.867	43,9
Chuối	4.345	79,6
Thanh long	3.750	52,9
Sầu riêng	3.314	109,8
Dừa	1.897	188,1
óc chó	1.792	77,6
Vải	1.720	170,3
Rau củ	25.140	9,2
Khoai lang	5.960	-12,3
Đậu bắp	4.614	-1,0
Măng	2.066	33,0

Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan

Thủy sản:

Trong 8 tháng đầu năm 2021, kim ngạch xuất khẩu các mặt hàng thủy sản chính của Việt Nam sang thị trường Nhật Bản đều giảm so với cùng kỳ năm ngoái như: Tôm giảm 0,1%, đạt 376,73 triệu USD; cá đông lạnh giảm 5,6%, đạt 288,22 triệu USD; mực các loại giảm 11,1%, đạt 40,3 triệu USD...

Theo cơ quan Thương vụ Việt Nam tại Nhật Bản, đối với thủy sản nuôi trồng, cần đảm bảo quá trình nuôi trồng thủy sản không sử dụng các chất kháng sinh tổng hợp bị cấm theo quy định của Nhật Bản, và đáp ứng quy định về dư lượng kháng sinh. Đối với các nhà xuất khẩu thủy sản sang Nhật Bản, con đường thâm nhập thị

trường phổ biến nhất thường là thông qua một công ty thương mại nhập khẩu của Nhật Bản. Các công ty thương mại nhập khẩu trong ngành thủy sản sẽ phân phối sản phẩm thủy sản tới các nhà bán lẻ hoặc tới các chợ bán buôn tập trung.

Một số nhà xuất khẩu nước ngoài cũng đã thành lập công ty nhập khẩu của riêng họ tại Nhật Bản, tuy nhiên gặp phải trở ngại trong việc tìm ra con đường riêng để tiếp cận tới các nhà bán lẻ và người tiêu dùng.

Một trong những thách thức lớn hiện nay của các nhà chế biến thủy sản Nhật Bản là việc phải đảm bảo nguồn cung nguyên liệu thủy sản ổn định.

Xuất khẩu một số chủng loại thủy sản của Việt Nam sang Nhật Bản trong 8 tháng đầu năm 2021

Tên hàng	8 tháng năm 2021		So với 8 tháng năm 2020 (%)	
	Lượng (tấn)	Trị giá (nghìn USD)	Lượng	Trị giá
Tôm các loại	41.341	376.729	1,2	-0,1
Cá đông lạnh	40.021	288.217	-3,0	-5,6
Mực các loại	4.634	40.312	-11,8	-11,1
Bạch tuộc các loại	3.572	30.602	-8,5	-9,4
Surimi	10.870	24.231	23,7	26,4
Cua các loại	1.174	23.826	-8,9	-8,5
Trứng cá	1.446	22.366	-9,9	-17,0
Cá ngừ các loại	3.161	17.874	-5,6	-5,8

Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan

Kim ngạch xuất khẩu nông, lâm, thủy sản SANG THỊ TRƯỜNG HÀN QUỐC tăng gần 10% trong 8 tháng năm 2021

Theo số liệu của Tổng cục Hải quan, trong tháng 8/2021, kim ngạch xuất khẩu nông, lâm, thủy sản của Việt Nam sang thị trường Hàn Quốc giảm 8% so với cùng kỳ năm ngoái, đạt 148,71 triệu USD. Mặc dù vậy, tính chung 8 tháng đầu năm 2021, kim ngạch xuất khẩu nhóm hàng này sang thị trường Hàn Quốc vẫn tăng 9,8% so với cùng kỳ năm ngoái, đạt 1,34 tỷ USD.

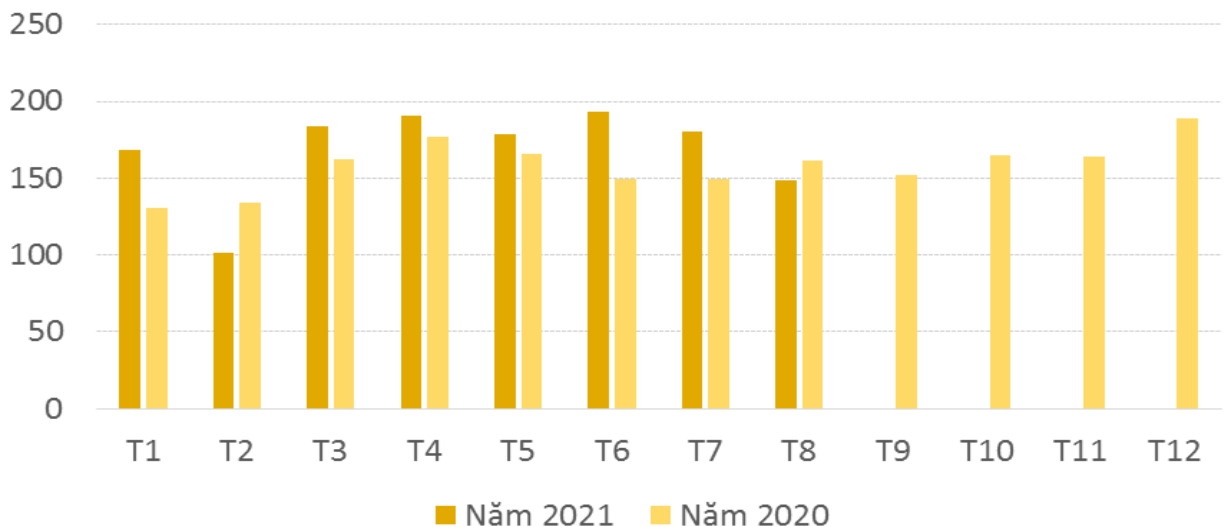
Trong 8 tháng đầu năm nay, kim ngạch xuất khẩu của 7 mặt hàng nông, lâm, thủy sản của Việt Nam sang thị trường Hàn

Quốc đều tăng so với cùng kỳ năm 2020. Trong đó, gỗ và sản phẩm gỗ đạt cao nhất với 603,5 triệu USD, tăng khá mạnh 15% so với cùng kỳ năm trước.

Đáng chú ý, kim ngạch xuất khẩu cao su sang thị trường Hàn Quốc tăng tới 91,2% so với cùng kỳ năm ngoái, đạt 51,37 triệu USD.

Ngoài ra, kim ngạch xuất khẩu cà phê sang thị trường này tăng 12,7%, rau quả tăng 3,5%...

Kim ngạch xuất khẩu nông, thủy sản của Việt Nam sang thị trường Hàn Quốc năm 2020 - 2021 (triệu USD)



Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan

Mặc dù vậy, theo đánh giá của các chuyên gia, hiện nay Việt Nam và Hàn Quốc đã ký Hiệp định Thương mại tự do song phương (VKFTA) nhưng Việt Nam chưa khai thác hết tiềm năng xuất khẩu sang thị trường này.

Hàn Quốc nhập khẩu hàng nông, thủy sản với kim ngạch khoảng 37 tỷ USD mỗi năm. Trong các quốc gia xuất khẩu nông, thủy sản hàng đầu vào Hàn Quốc, Việt Nam chiếm 4% trong tổng kim ngạch nhóm hàng này.

Hàn Quốc được đánh giá là thị trường rất ổn định, ít có sự thay đổi về các quy chuẩn kỹ thuật, kiểm dịch về an toàn thực phẩm, chất lượng... Tuy nhiên, các quy chuẩn này được Hàn Quốc yêu cầu rất cao, đòi hỏi sự nghiêm ngặt, minh bạch.

Hệ thống trung tâm thương mại, siêu thị, cửa hàng tiện lợi tại Hàn Quốc chiếm 60%, tại chợ truyền thống 20%, còn lại qua bán lẻ trực tuyến. Vì thế, để xuất khẩu bền vững nhất, có giá trị tốt nhất, doanh nghiệp cần



tìm cách đưa hàng qua các hệ thống phân phối, siêu thị bán lẻ, cửa hàng tiện ích.

Xuất khẩu nông, lâm, thủy sản của Việt Nam sang thị trường Hàn Quốc trong 8 tháng đầu năm 2021

Tên hàng	Tháng 8/2021		So với tháng 8/2020 (%)		8 tháng năm 2021		So với 8 tháng năm 2020 (%)	
	Lượng (tấn)	Trị giá (nghìn USD)	Lượng	Trị giá	Lượng (tấn)	Trị giá (nghìn USD)	Lượng	Trị giá
Tổng kim ngạch		148.714		-8,0		1.343.637		9,8
Gỗ và sản phẩm gỗ		69.104		1,9		603.498		15,0
Hàng thủy sản		53.891		-21,9		491.623		0,1
Hàng rau quả		11.100		13,7		107.245		3,5
Cao su	2.723	4.831	2,3	34,0	27.584	51.372	52,0	91,2
Cà phê	3.150	6.917	43,3	43,3	25.888	50.641	11,6	12,7
Sắn và các sản phẩm từ sắn	6.152	1.966	-67,5	-62,4	72.632	24.272	-6,1	12,9
Hạt tiêu	221	905	-57,0	-35,3	4.170	14.985	-4,6	37,9

Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan

Cà phê:

Thống kê của Hiệp hội Thương mại Quốc tế Hàn Quốc, nhập khẩu cà phê của Hàn Quốc trong 8 tháng đầu năm 2021 đạt 124,38 nghìn tấn, trị giá 579 triệu USD, tăng 5,4% về lượng và tăng 22,2% về trị giá so với cùng kỳ năm ngoái.

Trong đó, Việt Nam là thị trường cung cấp cà phê đứng thứ 2 cho Hàn Quốc với thị phần chiếm 20,6% trong tổng nhập khẩu, đạt 25,6 nghìn tấn, tăng 16,3% so với cùng kỳ năm 2020.

Lượng cà phê xuất khẩu của Việt Nam thấp hơn không đáng kể so với con số

26,38 nghìn tấn của Brazil xuất khẩu sang Hàn Quốc trong 8 tháng đầu năm nay.

Xuất khẩu cà phê của Việt Nam sang Hàn Quốc được dự báo sẽ tiếp tục tăng trong thời gian tới nhờ nhu cầu cao của nước này.

Tiêu thụ cà phê ở Hàn Quốc chiếm khoảng 6% tổng thị trường cà phê châu Á - Thái Bình Dương và là một trong những thị trường tiêu thụ cà phê hàng đầu thế giới. Năm 2020 và những tháng đầu năm 2021, nhập khẩu cà phê của Hàn Quốc tăng do nhu cầu tiêu thụ cà phê tại nhà tăng mạnh do ảnh hưởng của đại dịch Covid-19.

Hàn Quốc nhập khẩu cà phê từ một số thị trường chính trong 8 tháng năm 2021

Thị trường	8 tháng năm 2021		So với 8 tháng năm 2020 (%)		Tỷ trọng (%)	
	Lượng (tấn)	Trị giá (nghìn USD)	Lượng	Trị giá	8T/2020	8T/2021
Tổng	124.376	579.900	5,4	22,2	100,0	100,0
Brazil	26.377	68.381	15,3	18,2	19,4	21,2
Việt Nam	25.602	41.179	16,3	10,1	18,7	20,6
Colombia	17.623	68.866	-9,5	6,0	16,5	14,2
Ethiopia	10.583	46.803	17,3	18,8	7,6	8,5
Honduras	8.347	23.901	-3,8	11,1	7,4	6,7
Mỹ	7.559	78.225	14,2	11,4	5,6	6,1

Nguồn: Hiệp hội Thương mại Quốc tế Hàn Quốc

Rau quả:

Hàn Quốc là thị trường có dung lượng nhập khẩu trái cây tươi lớn, giá trị hơn 1,6 tỷ USD/năm và đang tiếp tục tăng trưởng mạnh. Trong khi đó, trái cây tươi của Việt Nam mới chiếm thị phần rất khiêm tốn tại thị trường này. Đến nay có 6 loại trái cây tươi của Việt Nam đã được phép xuất khẩu chính thức vào thị trường Hàn Quốc, bao gồm: Dừa, dứa, thanh long ruột trắng, thanh long ruột đỏ, xoài, chuối.

Trong 8 tháng đầu năm 2021, kim ngạch xuất khẩu các mặt hàng kể trên

sang Hàn Quốc đều tăng so với cùng kỳ năm ngoái như: Xoài tăng 5,6%, chuối tăng 38,5%, thanh long tăng 95%, dứa tăng 52%.

Hiện nay Bộ Công Thương đang phối hợp chặt chẽ với các Bộ, ngành liên quan của Việt Nam và Hàn Quốc để đàm phán với phía Hàn Quốc mở cửa thị trường cho thêm nhiều loại trái cây khác của Việt Nam như bưởi, chanh leo, vải, chôm chôm, nhãn...

Kim ngạch xuất khẩu một số loại rau hoa quả của Việt Nam sang Hàn Quốc trong 8 tháng đầu năm 2021

Chủng loại	8 tháng năm 2021 (nghìn USD)	So với cùng kỳ năm 2020 (%)
Sản phẩm chế biến	54.101	-8,3
Hạt mè	23.553	16,6
Trái cây	4.612	94,1
Dứa chuột	3.703	-4,5
Xoài	2.050	130,0
Thạch	1.731	351,9
Quả	28.176	32,4
Xoài	11.050	5,6
Chuối	4.369	38,5
Thanh long	4.336	95,0
Chanh leo	1.860	6,9
Sầu riêng	1.670	159,9
Rau củ	24.574	7,3
Ớt	15.783	19,8

Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan

NINH BÌNH XÂY DỰNG THƯƠNG HIỆU NÔNG THỦY SẢN

Những năm gần đây, tỉnh Ninh Bình đang tập trung phát triển nông nghiệp theo hướng hàng hóa, gắn với bảo quản, chế biến, phát huy lợi thế sản phẩm và lợi thế vùng, địa phương; tăng cường ứng dụng khoa học công nghệ vào sản xuất trồng trọt, đặc biệt là sản xuất rau màu, mở rộng diện tích rau an toàn và nuôi trồng thủy sản. Ninh Bình hiện có hàng vạn ha lúa chất lượng cao, 13 nghìn ha rau các loại, 7 nghìn ha cây ăn quả. Tỉnh đã có những sản phẩm có thương hiệu, sức cạnh tranh trên thị trường, một số đã có nhãn hiệu tập thể, chỉ dẫn địa lý. Nổi bật như: cơm cháy, thịt dê, dược liệu, lúa gạo, dưa, chè, bánh đa, miến dong, bún khô và rau, củ, quả an toàn...



Đặc biệt, chương trình Mỗi xã một sản phẩm (OCOP) của tỉnh đã từng bước khẳng định là chương trình phát triển kinh tế trọng tâm khu vực nông thôn theo hướng nội sinh, gia tăng giá trị, góp phần triển khai thành công xây dựng nông thôn mới. Với nhiều cách làm sáng tạo, chương trình OCOP của tỉnh đã góp phần nâng cao giá trị sản xuất và xây dựng, phát triển thương hiệu cho các sản phẩm đặc sản, đặc trưng của Ninh Bình.

Bên cạnh đó, việc đổi mới các hình thức sản xuất, thúc đẩy sản xuất gắn với xây dựng nông thôn mới đã góp phần đưa

nông nghiệp Ninh Bình chuyển sang giai đoạn mới với tiêu chí sản xuất hàng hóa, công nghệ cao, cùng các hình thức liên kết, tổ chức sản xuất hiệu quả, bền vững.

Giai đoạn 2021-2030, mục tiêu tỉnh đặt ra cho ngành Nông nghiệp là ổn định tăng trưởng giá trị sản xuất bình quân đạt 2,0%/năm; đến năm 2030 giá trị sản xuất nông nghiệp đạt trên 200 triệu đồng/ha đất canh tác.

Nhằm khai thác hiệu quả các tiềm năng, lợi thế của địa phương, tỉnh sẽ đẩy mạnh xúc tiến, thu hút đầu tư các dự án nông nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp thông minh, sản xuất sản phẩm hữu cơ trên cơ sở vận dụng tối đa các cơ chế, chính sách để hỗ trợ cả về sản xuất và hạ tầng trong, ngoài vùng dự án. Tỉnh hướng tới phát triển nông nghiệp theo hướng hiện đại, gia tăng giá trị sản xuất, nhất là trong bối cảnh ảnh hưởng nghiêm trọng do dịch bệnh Covid-19 hiện nay.

Ứng dụng công nghệ cao trong phát triển thủy sản ở Ninh Bình:

Hiện nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, nhất là trong nuôi trồng thủy sản, là một trong những lĩnh vực đang được tỉnh Ninh Bình tập trung thực hiện trong phát triển kinh tế - xã hội địa phương.

Nhờ ứng dụng khoa học kỹ thuật, công nghệ cao, những năm qua thủy sản Ninh Bình đã tăng trưởng nhanh cả ở vùng nước ngọt nội đồng và vùng mặn, lợi ven biển, tiếp tục là mũi nhọn, là động lực tăng trưởng của ngành nông nghiệp. Đến nay, tổng diện tích nuôi trồng thủy sản toàn tỉnh đạt gần 14,28 nghìn ha (tăng 3.500 ha so với năm 2015); tổng sản lượng đạt 58,8 nghìn tấn, tăng 41% so với năm 2015 (khai thác 6,5 nghìn tấn; nuôi trồng gần 52,3 nghìn tấn).

Trong đó, tổng diện tích nuôi thủy sản nước ngọt của tỉnh đạt gần 11 nghìn ha (trong đó có gần 4 nghìn ha chuyển đổi từ đất lúa kém hiệu quả), các hình thức nuôi thâm canh, chuyên canh trong ao nổi với các giống nuôi truyền thống như cá trắm cỏ, đen, chép, lai... đang thay thế dần phương thức nuôi quảng canh, thiếu hiệu quả trước kia. Năng suất nuôi thủy sản nước ngọt hiện bình quân khoảng từ 7-15 tấn/ha/năm, doanh thu từ 300-800 triệu đồng/ha/năm.

Bên cạnh các đối tượng nuôi truyền thống thì các đối tượng có giá trị kinh tế cao, đối tượng thủy sản đặc sản cũng được người nuôi ưu tiên lựa chọn như nuôi trai lấy ngọc, ếch, ba ba, ốc nhồi, chạch để nâng cao hiệu quả sản xuất và đáp ứng nhu cầu thị trường.

Trong những năm qua, tỉnh Ninh Bình xác định thủy sản là ngành mũi nhọn và phát triển theo 3 hướng: thủy sản nước ngọt, thủy sản mặn lợ và khai thác dài hơi. Do đó, tỉnh đã có nhiều chính sách hỗ trợ, đặc biệt hỗ trợ ứng dụng công nghệ cao vào thủy sản mặn lợ thông qua Nghị quyết

số 39/2018/NQ-HĐND ngày 12/12/2018 của HĐND tỉnh quy định chính sách hỗ trợ phát triển kinh tế nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa, ứng dụng công nghệ cao, hình thức sản xuất tiên tiến, bền vững.

Riêng về nuôi tôm, tỉnh Ninh Bình duy trì diện tích 2.100 ha, năng suất bình quân khoảng 20 tấn/ha đối với chính vụ. Sau khi ứng dụng công nghệ cao trong nhà lưới, nhà kính nuôi tôm vụ 3 (vụ Đông) từ năm 2017, đến nay diện tích nuôi tôm công nghệ cao của tỉnh đã đạt tới gần 40 ha, cho giá trị năng suất đạt 50 tấn/ha tôm vụ Đông.

Nhờ ứng dụng công nghệ vào nuôi trồng thủy sản mà cơ cấu sản xuất của ngành đã chuyển đổi hợp lý từ chiều rộng sang chiều sâu và sản xuất theo định hướng thị trường, gắn với bảo quản, chế biến, tiêu thụ sản phẩm. Khoa học và công nghệ cao được ứng dụng nhanh vào sản xuất thủy sản đã giúp giảm chi phí, tăng năng suất, giá trị sản phẩm và giảm thiểu tác động tiêu cực đến môi trường.

ĐẨY MẠNH HOẠT ĐỘNG XÚC TIẾN THƯƠNG MẠI TẠI AUSTRALIA

Vừa qua, chương trình quảng bá hàng nông sản Việt Nam với người tiêu dùng Australia đã được thực hiện tại thành phố Sydney, bang New South Wales. Chương trình được tổ chức dưới dạng quầy hàng giới thiệu và mời dùng thử sản phẩm, thiết lập trong khuôn khổ hội chợ nông sản cuối tuần - một hình thức mua sắm được người dân Australia rất ưa thích.

Đại dịch COVID-19 đã tác động rất lớn đến chuỗi cung ứng toàn cầu, ảnh hưởng tới hoạt động xuất khẩu hàng hóa của Việt Nam sang Australia. Tuy nhiên, trong nhiều tháng qua, các cơ quan đại diện của Việt Nam tại Australia, đặc biệt là cơ quan Thương vụ Việt Nam tại Australia, đã nỗ lực để thúc đẩy hoạt động xúc tiến thương mại sang thị trường lớn nhất châu Đại

Dương, ghi nhận một số kết quả tích cực.

Trong 8 tháng đầu năm 2021, hàng hóa xuất khẩu của Việt Nam vào Australia tăng trưởng gần 19%, trong đó sản phẩm nông sản tăng khoảng 38%. Các mặt hàng trái cây tươi như xoài, nhãn, vải và thanh long đều trở thành mặt hàng được ưa thích. Một số sản phẩm nông sản đông lạnh mới như sầu riêng, sấu, gừng... có mặt nhiều hơn trên thị trường Australia và được người tiêu dùng tìm kiếm, sau nỗ lực đồng hành xúc tiến mặt hàng xuất khẩu mới của Cơ quan Thương vụ.

Mặc dù thành phố Sydney và một số thành phố lớn khác của Australia hiện đều đang ở trong tình trạng phong tỏa do dịch bệnh COVID-19 bùng phát, nhưng Tổng lãnh sự

Việt Nam tại Sydney vẫn quyết định phối hợp với Thương vụ Việt Nam tại Australia tổ chức chuỗi các chương trình giới thiệu và quảng bá hàng nông sản Việt Nam trên thị trường này.

Tiếp theo sự kiện mời dùng thử gạo Việt Nam tại Melbourne vừa qua với tên gọi "Việt Nam, vùng đất của gạo ngon nhất thế giới", sự kiện lần này tập trung vào các hoạt động chính là "Mời dùng cơm Việt", cùng với quảng bá sâu rộng, nhãn, thanh long và cà phê. Địa điểm tổ chức được cơ quan Thương vụ lựa chọn là Rozelle, một trong 10 khu chợ cuối tuần nổi tiếng nhất

của thành phố Sydney, định hướng xúc tiến sâu vào các hoạt động văn hoá của cộng đồng người Australia, đồng thời hướng đến người tiêu dùng nhỏ tuổi, để xây dựng mục tiêu tiêu dùng bền vững sản phẩm Việt Nam.

Ngoài chương trình quảng bá nông sản Việt Nam được tổ chức lần này ở thành phố Sydney, các cơ quan đại diện luôn có hoạt động thường xuyên, thường kỳ, lựa chọn các sản phẩm đúng thời điểm, phù hợp với thị hiếu người tiêu dùng và đáp ứng tiêu chuẩn chất lượng cao của Australia để xúc tiến quảng bá thương mại.

BƯỞI SOI HÀ ĐƯỢC CHỨNG NHẬN CHỈ DẪN ĐỊA LÝ

Bưởi Soi Hà của huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang vừa được Cục Sở hữu trí tuệ (Bộ Khoa học và Công nghệ) cấp Giấy chứng nhận Chỉ dẫn địa lý.

Vân, Chiêu Yên, Lực Hành, Tứ Quận, Trung Trực, Quý Quân, Tân Long, Kiến Thiết, Tân Tiến, Lang Quán và Thị trấn Yên Sơn (huyện Yên Sơn, Tuyên Quang).

Giống bưởi Soi Hà được cấp chứng nhận Chỉ dẫn địa lý là bưởi đường; tổ chức quản lý chỉ dẫn địa lý là UBND huyện Yên Sơn; khu vực địa lý của sản phẩm bưởi Soi Hà bao gồm các xã: Phúc Ninh, Xuân

Bưởi Soi Hà có vị ngọt mát, thơm, dóc tép. Năm 2017, sản phẩm được Hội Người tiêu dùng Việt Nam bình chọn vào Top 10 nhãn hiệu, thương hiệu nổi tiếng.

GIAO THƯƠNG

DOANH NGHIỆP HÀN QUỐC CẦN TÌM NHÀ CUNG CẤP CHẬU, GIỎ HOA

Một doanh nghiệp Hàn Quốc cần tìm nhà cung cấp chậu hoa bằng gốm, sứ, xi măng... và giỏ hoa bằng mây, tre với số lượng lớn (50-100 container 40ft mỗi năm).

Ưu tiên làm việc với doanh nghiệp có nhà máy và kinh nghiệm xuất khẩu đi châu Âu.

Doanh nghiệp quan tâm và có khả năng cung cấp đề nghị gửi đăng ký theo mẫu tại đường link dưới đây và liên hệ với Thương vụ để biết thêm thông tin chi tiết cũng như được kết nối với đối tác.

https://drive.google.com/file/d/10xtWaBvIDDS3JN6L8CqP7hVEv5OP_kIn/view?usp=sharing

Embassy of Viet Nam in the Republic of Korea, Trade Office

Add: 6th Floor, Golden Bridge Build., Chungjeongno 3-ga, No.222, Seodaemun-Gu, Seoul, 120-708

Tel: (82-2) 362-2013; Fax: (82-2) 364-3664; HP: +82-10-2614-1369 (Ms.Chi);

Email: kr@moit.gov.vn; vntradeinkorea@gmail.com

Facebook: <https://www.facebook.com/thuongvuhanquoc/>

BỘ CÔNG THƯƠNG ĐIỀU TRA ÁP DỤNG BIỆN PHÁP CHỐNG LẤN TRÁNH PHÒNG VỆ THƯƠNG MẠI ĐƯỜNG MÍA

Ngày 21/9/2021, Cục Phòng vệ thương mại, Bộ Công Thương đã ban hành Quyết định số 2171/QĐ-BCT về việc điều tra áp dụng biện pháp chống lấn tránh biện pháp phòng vệ thương mại (chống bán phá giá, chống trợ cấp) đối với sản phẩm đường mía có xuất xứ từ Thái Lan bị cáo buộc lấn tránh thông qua 5 nước ASEAN gồm: Lào, Campuchia, Indonesia, Malaysia và Myanmar trên cơ sở Hồ sơ yêu cầu của đại diện ngành sản xuất trong nước và Hiệp hội Mía đường Việt Nam.

Trước đó, ngày 9/2/2021, Bộ Công Thương đã ban hành Quyết định 477/QĐ-BCT áp dụng thuế chống bán phá giá, chống trợ cấp tạm thời với sản phẩm đường mía có xuất xứ từ Thái Lan và ngày 15/6/2021, Bộ Công Thương đã ban hành Quyết định số 1578/QĐ-BCT áp dụng biện pháp chống bán phá giá, chống trợ cấp chính thức đối với một số sản phẩm đường mía nhập khẩu vào Việt Nam có xuất xứ từ Thái Lan.

Số liệu nhập khẩu của cơ quan hải quan cho thấy, lượng nhập khẩu đường được khai báo là có xuất xứ từ 5 nước ASEAN nói trên trong giai đoạn sau khi Việt Nam khởi xướng điều tra chống bán phá giá, chống trợ cấp với đường mía từ Thái Lan (từ tháng 10/2020 đến tháng 6/2021) đã tăng mạnh so với giai đoạn 9 tháng trước đó, cụ thể lượng nhập khẩu tăng từ 107.600 tấn lên 527.200 tấn. Trong khi đó, lượng nhập khẩu đường có xuất xứ từ Thái Lan vào Việt Nam đã giảm gần 38%, từ 955.500 tấn xuống còn 595.000 tấn.

Theo Cục Phòng vệ thương mại, ngay sau khi lượng đường nhập khẩu từ một số nước ASEAN (ngoài Thái Lan) có dấu hiệu gia tăng, Bộ Công Thương (Cục

Phòng vệ thương mại và các đơn vị liên quan) đã chủ động tham vấn, hỗ trợ Hiệp hội Mía đường Việt Nam cũng như ngành sản xuất đường mía trong nước thu thập thông tin, số liệu, xây dựng hồ sơ yêu cầu điều tra chống lấn tránh biện pháp phòng vệ thương mại với sản phẩm đường mía. Hồ sơ của ngành sản xuất trong nước đã cung cấp một số thông tin, bằng chứng cho thấy có dấu hiệu về việc lấn tránh biện pháp phòng vệ thương mại qua 5 nước ASEAN nói trên, đặc biệt là lượng nhập khẩu gia tăng đột biến từ 5 nước ASEAN.

Theo quy định pháp luật, sau khi khởi xướng điều tra, Bộ Công Thương sẽ gửi bản câu hỏi điều tra cho các bên liên quan để thu thập thông tin nhằm phân tích, đánh giá, làm rõ các nội dung cáo buộc cũng như điều tra các hành vi lấn tránh biện pháp chống bán phá giá, chống trợ cấp. Bộ Công Thương cũng sẽ thực hiện việc thẩm tra, xác minh các thông tin do các bên liên quan cung cấp trước khi hoàn thành kết luận điều tra chính thức về vụ việc.

Đồng thời, Bộ Công Thương sẽ thực hiện điều tra, áp dụng các biện pháp cần thiết theo đúng quy định của pháp luật và cam kết quốc tế để thiết lập môi trường cạnh tranh công bằng cho ngành sản xuất mía đường trong nước và đảm bảo hiệu quả của các biện pháp phòng vệ thương mại.

Bộ Công Thương cũng đưa ra khuyến nghị tất cả các tổ chức, cá nhân đang xuất nhập khẩu, phân phối, kinh doanh, sử dụng hàng hóa bị điều tra đăng ký làm bên liên quan, cung cấp các thông tin cần thiết tới Bộ Công Thương và theo dõi để đảm bảo quyền và lợi ích chính đáng của mình.

NHIỀU DOANH NGHIỆP XUẤT KHẨU CÁ TRA, BASA CỦA VIỆT NAM KHÔNG BỊ ÁP THUẾ CHỐNG BÁN PHÁ GIÁ CỦA MỸ

Theo Cục Phòng vệ thương mại (Bộ Công Thương), ngày 1/9/2021, Bộ Thương mại Mỹ (DOC) đã ban hành kết luận sơ bộ đợt rà soát hành chính thuế chống bán phá giá lần thứ 17 (POR17) cho giai đoạn từ ngày 1/8/2019 đến ngày 31/7/2020 đối với cá tra, basa của Việt Nam.

Theo đó, trong 63 doanh nghiệp dự kiến được rà soát ban đầu, DOC đã hủy bỏ rà soát với 28 công ty vì nhiều lí do khác nhau. Trong số 35 công ty còn lại, DOC lựa chọn Công ty Cổ phần Thủy sản Nha Trang (NTSF) và Công ty Cổ phần Chế biến hải sản Biển Đông (ESS) để yêu cầu trả lời bản câu hỏi điều tra. Ngoài ra, DOC cũng xác định Công ty Cổ phần Trại xanh (Green Farms) đủ điều kiện được hưởng mức thuế suất riêng rẽ.

Cục Phòng vệ thương mại nhận định, kết quả rà soát sơ bộ của DOC cho thấy Công ty NTSF không bán phá giá nên sẽ không bị áp thuế chống bán phá giá (CBPG), Công ty ESS chịu mức thuế 3,87 USD/kg do DOC cho rằng công ty không hợp tác đầy đủ với DOC, Công ty Green Farms được hưởng mức thuế 1,94 USD/kg. Các công ty còn lại trong

số 35 công ty được rà soát tiếp tục bị áp mức thuế 2,39 USD/kg như các năm trước.

Như vậy, hiện nay có khoảng 10 doanh nghiệp xuất khẩu cá tra, basa của Việt Nam không bị áp thuế chống bán phá giá của Mỹ, trong đó có một số doanh nghiệp xuất khẩu lớn như Công ty Cổ phần Vĩnh Hoàn, Công ty Cổ phần Nam Việt, Công ty Cổ phần Thủy sản Nha Trang,...

Theo số liệu của Tổng cục Hải quan, trong năm 2020, sản lượng xuất khẩu cá tra, cá basa của Việt Nam sang Mỹ đạt khoảng 83.159 tấn, tương ứng kim ngạch khoảng 228,79 triệu USD.

Tiếp theo việc ban hành kết luận sơ bộ, DOC thông báo các bên liên quan có thể gửi ý kiến hoặc đề nghị tổ chức phiên điều trần trong vòng 30 ngày kể từ ngày đăng công báo kết luận sơ bộ. Kết luận cuối cùng dự kiến được DOC ban hành trong tháng 1/2022.

Thời gian tới, Bộ Công Thương sẽ tiếp tục phối hợp chặt chẽ với Hiệp hội Chế biến và Xuất khẩu thủy sản Việt Nam (VASEP), các doanh nghiệp xuất khẩu của Việt Nam và phía Mỹ để xử lý các vấn đề liên quan nhằm đảm bảo quyền và lợi ích chính đáng của Việt Nam trong vụ việc.

Theo Cục Phòng vệ thương mại, cá tra, basa Việt Nam bị Mỹ áp thuế chống bán phá giá từ năm 2003 và hàng năm mức thuế áp dụng đều được rà soát lại. Trong mỗi lần rà soát, Bộ Công Thương đều theo dõi chặt chẽ diễn biến, phối hợp với các Bộ, ngành, VASEP và các doanh nghiệp xuất khẩu liên quan có các hành động cần thiết để bảo vệ quyền lợi hợp pháp của ngành cá tra, basa xuất khẩu của Việt Nam.



GIÁ NÔNG SẢN THẾ GIỚI BIẾN ĐỘNG TRÁI CHIỀU TRONG THÁNG 9/2021



Gia một số loại nông sản trên sàn Chicago tại Mỹ có sự điều chỉnh giảm trong tháng 9/2021.

Cụ thể, giá ngô giao dịch ngày 27/9 giảm 5,1% so với cuối tháng trước xuống mức 525,8 US cent/bushel; giá lúa mì giảm 1% xuống 725,5 UScent/bushel và giá đậu tương giảm 2,6% xuống 1.289 US cent/bushel.

Thị trường tập trung vào quy mô và chất lượng cây trồng vì thu hoạch ngô và đậu tương của Mỹ dự kiến sẽ tăng trên khắp vùng Trung Tây Mỹ. Trong khi đó, trên thị trường lúa mì, hàng loạt các cuộc đấu thầu của các nhà nhập khẩu thất bại và những tin đồn về các hạn chế xuất khẩu của Nga đã hỗ trợ cho giá lúa mì trong tuần trước.

Trên thị trường đường, giá đường thô trên sàn ICE trong tháng 9/2021 không có nhiều biến động so với tháng trước, dao động ở mức 20 US cent/lb trong phiên giao dịch ngày 27/9/2021. Giá đường vẫn đang ở mức cao do nhận được sự hỗ trợ bởi các yếu tố như hạn hán ở Thái Lan làm ảnh hưởng đến sản lượng mía đường và việc chuyển hướng mía để sản xuất ethanol ở Brazil.

Ngoài ra, xuất khẩu đường từ Ấn Độ, nhà sản xuất chủ chốt, đang sụt giảm khi thị

trường nội địa hồi phục. Tuy nhiên, trong điều kiện giá toàn cầu ổn định, nước này có thể xuất khẩu 6 triệu tấn đường trong niên vụ 2021/22.

Trong khi đó, xu hướng tăng vẫn tiếp tục diễn ra trên thị trường cà phê Robusta, với mức tăng 6,1% so với tháng trước và tăng 57,7% so với cùng kỳ năm ngoái, đạt 2.135 USD/tấn.

Giá cà phê Arabica ổn định với hợp đồng kỳ hạn tháng 12/2021 ở mức 192,5 US cent/lb.

Mưa diễn ra liên tục tại Colombia đang làm trầm trọng thêm triển vọng tiêu cực của nguồn cung cà phê từ nước sản xuất cà phê Arabica lớn thứ 2 thế giới – loại cà phê được nhiều thương hiệu và các nhà bán lẻ lớn ưa chuộng, bao gồm Nespresso của Nestle SA. Những thông tin tiêu cực từ Colombia có thể càng khiến thế giới thiếu hụt cà phê trong vụ tới, bắt đầu với sản lượng cà phê Brazil giảm và chi phí sản xuất, vận chuyển tăng cao.

Tình hình tại Nam Mỹ càng khiến phức tạp thêm thị trường cà phê vốn đã gặp nhiều thách thức bởi chi phí phân bón và năng lượng tăng phi mã, những khó khăn trong vận chuyển và những hạn chế gây ra do đại dịch tại nhiều nơi, như Việt Nam, vào thời điểm thị trường vốn đối mặt với tình trạng thâm hụt nguồn cung ngày càng tăng.

Trên thị trường gạo, giá gạo xuất khẩu tại Thái Lan giảm xuống mức thấp nhất trong 18 tháng trong tuần cuối tháng 9/2021 do đồng baht yếu, trong khi nhu cầu tăng từ châu Phi giúp giá gạo Ấn Độ tăng lên mức cao nhất trong gần 2 tháng.

Giá gạo trắng 5% tấm của Thái Lan đã giảm 17 USD/tấn so với cuối tháng trước xuống còn 380 – 386 USD/tấn trong ngày 27/9/2021, là mức thấp nhất kể từ tháng 3/2019. Đồng Baht giảm giá khoảng 3% kể từ cuối tháng 8, kéo theo giá xuất khẩu gạo giảm sau khi chuyển đổi tỷ giá. Giá giảm nhưng có thể vẫn biến động do thời gian từ tháng 9 – 11 là giai đoạn trước khi nguồn cung mới xuất hiện trên thị trường.

Ở chiều ngược lại, giá gạo đỏ 5% tấm của Ấn Độ tăng 5 USD/tấn so với tháng trước lên mức 360 – 365 USD/tấn. Nước xuất khẩu gạo lớn nhất thế giới có thể xuất khẩu tới 22 triệu tấn gạo trong năm 2021, chiếm 45% tổng xuất khẩu toàn cầu, cao hơn tổng xuất khẩu gạo của 3 nước xuất khẩu gạo lớn kế tiếp là Thái Lan, Việt Nam và Pakistan nhờ năng lực xử lý hàng tại cảng tăng lên..

Tham khảo giá một số nông sản thế giới đến ngày 27/9/2021

Hàng hóa	ĐVT	Ngày 27/9/2021	So với ngày 29/8/2021 (%)	So với cuối năm 2020 (%)	So với cùng kỳ năm 2020 (%)
Ngô CBOT	US cent/bushel	525,8	-5,1	15,7	43,5
Lúa mì CBOT	US cent/bushel	725,5	-1,0	15,4	31,6
Lúa mạch	US cent/bushel	575,8	10,3	70,2	102,4
Đậu tương	US cent/bushel	1.288,5	-2,6	1,5	28,7
Khô đậu tương	USD/tấn	341,8	-3,0	-18,3	1,8
Dầu đậu tương	US cent/bushel	57,3	-5,1	39,7	76,9
Hạt cải	CAD/tấn	881,8	-3,4	40,3	72,6
Ca cao	USD/tấn	2.568,0	-0,5	-1,0	-1,2
Đường thô	US cent/lb	20,0	-0,2	34,2	48,6
Nước cam	US cent/lb	138,7	-5,8	13,9	29,7
Cà phê Robusta	USD/tấn	2.135,0	6,1	56,0	57,7
Cà phê Arabica	US cent/lb	192,5	0,1	52,8	71,0
Gỗ xẻ	USD/1000 board feet	643,0	24,2	-18,0	11,1
Gạo đỏ 5% tấm Ấn Độ	USD/tấn	365,0	1,4	-5,7	-5,2
Gạo trắng 5% tấm Thái Lan	USD/tấn	393,0	-2,5	-24,4	-20,6
Cao su Singapore	US cent/kg	163,3	-0,2	6,8	17,4

Nguồn: Trung tâm Thông tin Công nghiệp và Thương mại tổng hợp

BỒ ĐÀO NHA ĐẨY MẠNH NHẬP KHẨU HÀNG NÔNG, LÂM, THỦY SẢN

Bồ Đào Nha là quốc gia có thế mạnh về sản xuất nông nghiệp. Tuy vậy, sản xuất nông nghiệp tại Bồ Đào Nha đang gặp phải những khó khăn liên quan đến nhiều khía cạnh như diện tích đất canh tác bị thu hẹp, tình trạng môi trường sinh thái xấu đi do sử dụng nhiều phân bón và thuốc trừ sâu và vấn đề an ninh lương thực...

Người dân Bồ Đào Nha đang gia tăng nhu cầu đối với các sản phẩm nông nghiệp chất lượng cao. An toàn thực phẩm là mối quan tâm hàng đầu đối với người tiêu dùng Bồ Đào Nha, đặc biệt là liên quan đến nông sản như ngũ cốc, thịt, rau và hải sản. Chính phủ Bồ Đào Nha đã đưa ra các quy định để cải thiện an toàn thực phẩm và tăng cường giám sát chất lượng. Tuy

vậy, với nguồn cung trong nước hạn chế, để bù đắp cho sự gia tăng nhu cầu, Bồ Đào Nha đã tăng nhập khẩu nhóm hàng nông, lâm, thủy sản.

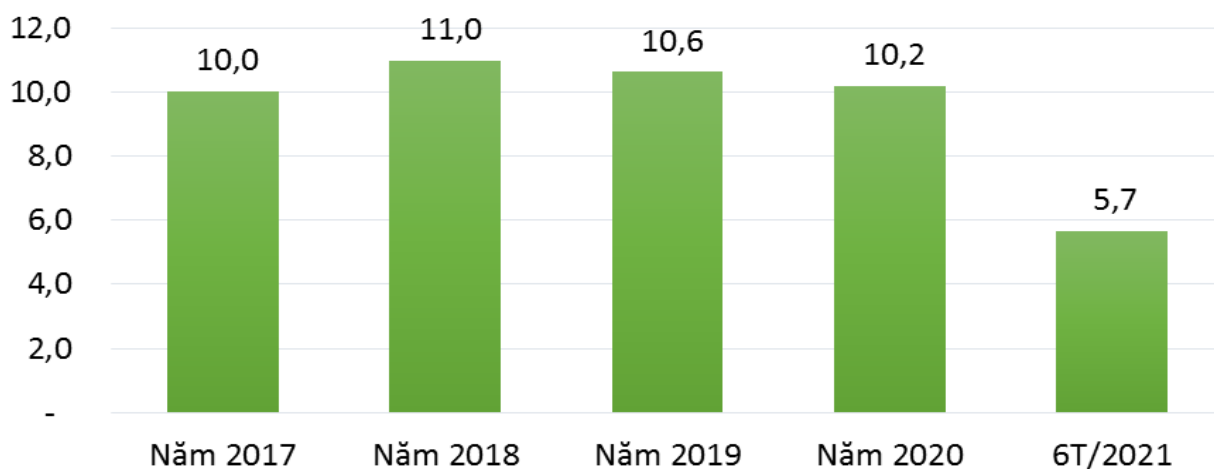
Theo thống kê từ Trung tâm Thương mại Quốc tế, nhập khẩu nông, lâm, thủy sản vào Bồ Đào Nha hiện chiếm khoảng 11-13% tổng trị giá nhập khẩu hàng hóa nói chung vào nước này. Tổng kim ngạch nhập khẩu hàng nông, lâm, thủy sản vào Bồ Đào Nha ổn định trong những năm gần đây, dao động từ 10-11 tỷ USD. Năm 2020, ảnh hưởng bởi dịch Covid-19 khiến nhập

khẩu hàng nông, lâm, thủy sản vào Bồ Đào Nha giảm 4,24%, chỉ đạt 10,17 tỷ USD.

Những tháng đầu năm 2021, đặc biệt là trong quý II/2021, các hoạt động kinh tế của Bồ Đào Nha đã phục hồi trở lại sau thời gian đóng cửa lần thứ hai vào đầu năm 2021 do ảnh hưởng bởi dịch bệnh, đã thúc đẩy mạnh mẽ nhu cầu tiêu thụ của Bồ Đào Nha, khiến hoạt động nhập khẩu hàng nông, lâm, thủy sản vào Bồ Đào Nha tăng trở lại, đạt 5,676 tỷ USD trong 6 tháng đầu năm 2021, tăng 17,5% so với cùng kỳ năm 2020.

Trị giá nhập khẩu hàng nông, lâm, thủy sản vào Bồ Đào Nha qua các năm

(Đvt: Tỷ USD)



Nguồn: Tính toán từ số liệu của Trung tâm Thương mại Quốc tế

Trong 6 tháng đầu năm 2021, Bồ Đào Nha chủ yếu nhập khẩu thủy sản đông lạnh chưa qua chế biến; thịt và phụ phẩm dạng thịt; hạt và quả có dầu, các loại ngũ cốc, hạt và quả khác; ngũ cốc; các mặt hàng gỗ nguyên liệu; quả và quả hạch...

Trong 6 tháng đầu năm 2021, nhập khẩu các mặt hàng thuộc nhóm hàng nông, lâm, thủy sản vào Bồ Đào Nha đều tăng so với cùng kỳ năm 2020, trong đó nhập khẩu một số nhóm hàng tăng khá mạnh như hạt và quả có dầu, các loại ngũ cốc, hạt và quả khác tăng 48%; ngũ cốc tăng 35%; gỗ nguyên liệu tăng 19,3%; quả và

quả hạch tăng 15,5% (trong đó, nhập khẩu hạt điều tăng 31,2%); sữa và các sản phẩm từ sữa, trứng chim và trứng gia cầm, mật ong tự nhiên; sản phẩm ăn được gốc động vật, chưa được chi tiết hoặc ghi ở nơi khác tăng 14,6%; các sản phẩm chế biến từ rau quả tăng 17%; cà phê tăng 15,5%; chè tăng 23%; hạt tiêu tăng 17,2%; cao su thiên nhiên tăng 40,7%; đồ nội thất bằng gỗ tăng 31,9%...

Theo thống kê từ Trung tâm Thương mại Quốc tế, trong giai đoạn 2017-2020, gạo là mặt hàng duy nhất Bồ Đào Nha đẩy mạnh nhập khẩu, với tốc độ tăng trưởng

trung bình hàng năm tăng mạnh nhất trong giai đoạn trên, tăng 15,4%. Tuy vậy, trong 6 tháng đầu năm 2021, nhập khẩu gạo vào Bồ Đào Nha lại giảm 3,6% so với cùng kỳ năm 2020.

Trong 6 tháng đầu năm 2021, Bồ Đào Nha cũng giảm nhập khẩu nhóm hàng là hàng thủy sản đã qua chế biến, với trị giá nhập khẩu chỉ đạt 127,45 triệu USD, giảm 5,2% so với cùng kỳ năm 2020.

Các mặt hàng nông, lâm, thủy sản nhập khẩu vào Bồ Đào Nha trong giai đoạn 2017-2020 và 6 tháng đầu năm 2021

Nhóm mặt hàng	Tăng trưởng bình quân giai đoạn 2017-2020 (%)	6 tháng đầu năm 2021		Tỷ trọng hàng hóa của Việt Nam trên tổng nhập khẩu của Bồ Đào Nha (%)	
		Trị giá (nghìn USD)	So với 6T/2020 (%)	6T/2021	6T/2020
Tổng	0,4	5.676.677	17,5	0,52	0,78
Cá và động vật giáp xác, động vật thân mềm và động vật thủy sinh không xương sống khác	-3,1	968.174	4,6	0,94	1,16
Thịt và phụ phẩm dạng thịt ăn được	-0,2	593.932	8,7	-	-
Hạt và quả có dầu; các loại ngũ cốc, hạt và quả khác	4,9	583.835	45,8		
Ngũ cốc	0,1	549.382	35,1	0,02	0,06
Gạo	15,4	56.567	-3,6	0,16	0,41
Gỗ và các mặt hàng bằng gỗ; than củi	-0,1	516.231	19,3	0,02	0,04
Quả và quả hạch ăn được; vỏ quả thuộc chi cam quýt hoặc các loại dưa	4,1	479.710	15,5	0,41	0,38
Hạt điều	4,4	7.227	31,2	22,58	21,99
Sữa và các sản phẩm từ sữa; trứng chim và trứng gia cầm; mật ong tự nhiên; sản phẩm ăn được gốc động vật, chưa được chi tiết hoặc ghi ở nơi khác	1,3	336.855	14,6	-	-
Rau và một số loại củ, thân củ, rễ ăn được	3,1	282.390	13,4	-	0,01
Sản phẩm chế biến từ rau, quả, hạt và các Phần khác của cây	0,0	230.435	17,0	0,08	0,15
Các sản phẩm chế biến từ thịt, cá, động vật giáp xác hay động vật thân mềm, hoặc động vật không xương sống sống dưới nước khác	2,7	216.848	2,1	4,05	4,38
Thủy sản chế biến	2,3	127.450	-5,2	6,90	6,92
Cà phê, chè và các loại gia vị	-0,1	173.610	15,0	4,57	9,47
Cà phê	-0,7	146.718	15,5	5,39	11,11
Chè	-4,1	3.837	23,0	-	-
Hạt tiêu	-2,2	2.464	17,2	-	6,85
Cao su thiên nhiên	-8,5	140.468	40,7	0,12	0,38

Nhóm mặt hàng	Tăng trưởng bình quân giai đoạn 2017-2020 (%)	6 tháng đầu năm 2021		Tỷ trọng hàng hóa của Việt Nam trên tổng nhập khẩu của Bồ Đào Nha (%)	
		Trị giá (nghìn USD)	So với 6T/2020 (%)	6T/2021	6T/2020
Cacao và các sản phẩm chế biến từ cacao	3,3	115.649	4,6	-	-
Đồ nội thất bằng gỗ	2,9	114.179	31,9	0,72	0,61
Động vật sống	0,2	108.334	2,1	0,12	0,08
Cây sống và các loại cây trồng khác; củ, rễ và các loại tương tự; cành hoa rời và các loại cành lá trang trí	-1,8	86.434	44,8	-	-
Các sản phẩm xay xát; malt; tinh bột; inulin; gluten lúa mì	6,7	68.368	25,9	-	-
Các sản phẩm gốc động vật, chưa được chi tiết hoặc ghi ở các chương khác	2,5	51.024	16,3	-	-
Các sản phẩm chế biến ăn được khác	2,2	30.129	54,1	-	-
Nhựa cánh kiến đỏ; gôm, nhựa cây, các chất nhựa và các chất chiết suất từ thực vật khác	-2,3	27.047	44,0	-	-
Nguyên liệu thực vật dùng để tết bện; các sản phẩm thực vật chưa được chi tiết hoặc ghi ở nơi khác	-10,8	3.643	48,3	1,07	-

Nguồn: Tính toán từ số liệu của Trung tâm Thương mại Quốc tế

Có thể thấy, Bồ Đào Nha là quốc gia có thế mạnh về sản xuất nông nghiệp, tuy vậy với những yêu cầu ngày càng cao về chất lượng cũng như vấn đề vệ sinh an toàn thực phẩm đã khiến quốc gia này nhập khẩu một lượng lớn các sản phẩm nông, lâm, thủy sản.

Năm 2020, ảnh hưởng của dịch Covid-19 khiến nhập khẩu hàng nông, lâm, thủy sản vào Bồ Đào Nha đã giảm so với năm 2019. Tuy vậy, Bồ Đào Nha đã nhập khẩu tăng trở lại hàng nông, lâm, thủy sản trong nửa đầu năm 2021, khi các hoạt động của nền kinh tế Bồ Đào Nha đã phục hồi trở lại sau 2 lần đóng cửa đất nước nhằm giảm sự lây lan của làn sóng dịch bệnh thứ ba. Theo thống kê mới nhất từ Viện Thống kê Quốc gia Bồ Đào Nha, trong quý II/2021, nền kinh tế của Bồ Đào Nha đã tăng trưởng 15,5% so với quý II/2020, là mức tăng trưởng hàng quý cao nhất kể từ năm 1978. Đây là cơ sở để nền kinh tế Bồ

Đào Nha tăng trưởng hơn nữa trong thời gian tới, cùng với những động lực như EU đẩy mạnh tiêm vắc xin; quỹ Phục hồi và Khả năng phục hồi (RRF) của EU tài trợ và cho vay nhằm phục hồi đất nước sau đại dịch... Điều này sẽ thúc đẩy nhu cầu tiêu dùng hàng hóa nói chung, hàng nông, lâm, thủy sản của Bồ Đào Nha nói riêng thời gian tới.

Đối với Việt Nam, tỷ trọng hàng nông, lâm, thủy sản của Việt Nam tại Bồ Đào Nha vẫn ở mức thấp (chưa đến 1%). Tỷ trọng này đang có xu hướng giảm cho thấy Việt Nam vẫn chưa khai thác được thị trường Bồ Đào Nha.

Hiện mặt hàng hạt điều của Việt Nam đang chiếm ưu thế lớn nhất tại Bồ Đào Nha khi thị phần chiếm đến 22,58%. Đây là mặt hàng Bồ Đào Nha đang có nhu cầu nhập khẩu mạnh. Với lợi thế từ Hiệp định EVFTA, Việt Nam sẽ có cơ hội đẩy mạnh

xuất khẩu mặt hàng này sang thị trường Bồ Đào Nha thời gian tới.

Ngoài ra, Bồ Đào Nha cũng đang có xu hướng đẩy mạnh nhập khẩu các sản phẩm thủy sản chưa qua chế biến, sản phẩm rau quả chế biến, cà phê, chè, hạt tiêu, đồ nội thất bằng gỗ..., đây đều là những mặt hàng có thế mạnh xuất khẩu của Việt Nam, tuy vậy tỷ trọng những mặt hàng này của Việt Nam tại Bồ Đào Nha vẫn ở mức thấp hoặc Việt Nam chưa tiếp cận được thị trường này. Do đó, trong thời gian tới, các doanh nghiệp Việt Nam cần nắm bắt cơ hội từ Hiệp định EVFTA mang



lại nhằm tìm kiếm, mở rộng thị phần các nhóm hàng nông, lâm, thủy sản tại Bồ Đào Nha.

TIN VĂN

► 8 tháng đầu năm 2021, Campuchia vượt Trung Quốc và Mỹ, vươn lên thành thị trường xuất khẩu nông sản lớn nhất sang Việt Nam với 2,9 tỷ USD, chiếm 10% thị phần. Còn theo Thương vụ Việt Nam tại Campuchia, trong vòng 8 tháng, các mặt hàng nông sản Campuchia xuất khẩu sang Việt Nam đều tăng mạnh như hạt điều đạt gần 1,1 triệu tấn, tương đương 1,8 tỷ USD, tăng hơn 5 lần về lượng, tăng 7 lần về giá trị so với cùng kỳ năm 2020, chiếm 72% tổng lượng nhập khẩu điều của cả nước. Sau điều, Việt Nam nhập khẩu khoảng 24,5 nghìn tấn tiêu của Campuchia, chiếm 98% lượng tiêu xuất khẩu của nước này. Ngoài ra còn có thóc, sắn tươi, xoài. Các loại nông sản khác như đậu xanh, ngô, chuối, bưởi... cũng xuất khẩu sang Việt Nam với số lượng lớn và có chiều hướng tăng mạnh trong những tháng gần đây.

► Theo Hiệp hội các nhà máy xay xát gạo Thái Lan, Tanasan Rice Plc - một nhà xuất khẩu gạo lớn của Thái Lan, gần đây đã ký hợp đồng với các nhà nhập khẩu Irắc để cung cấp 44.000 tấn gạo trắng 100%. Đây sẽ là lô gạo thứ hai mà Irắc mua từ Thái Lan trong năm nay sau khi lô hàng 44.000 tấn đầu tiên đã được giao vào ngày 18/8. Giao dịch này đánh dấu một thời điểm lịch sử đối với xuất khẩu gạo

của Thái Lan sau khi Irắc đã không nhập khẩu gạo có nguồn gốc từ Thái Lan trong 7 năm qua vì lo ngại về vấn đề chất lượng.

► Bộ Nông nghiệp Trung Quốc đã đưa ra mục tiêu quy mô đàn lợn nái trong kế hoạch 5 năm giai đoạn 2021 – 2025 trong bối cảnh nước sản xuất thịt lợn hàng đầu thế giới hướng tới việc đảm bảo nguồn cung và ổn định giá thịt lợn. Theo đó, Bộ Nông nghiệp Trung Quốc cho biết mục tiêu của quy mô chăn nuôi đàn lợn nái sẽ đạt khoảng 41 triệu con trong giai đoạn 2021 – 2025 và sẽ không thấp hơn 37 triệu con.

► Để phục vụ cho điều tra áp dụng biện pháp chống bán phá giá đối với một số sản phẩm bàn, ghế có xuất xứ từ Trung Quốc, Malaysia, Cục Phòng vệ thương mại (Bộ Công Thương) đã gửi bản câu hỏi điều tra cho nhà sản xuất trong nước và nhà nhập khẩu để thu thập các thông tin, số liệu phục vụ cho vụ việc. Bản câu hỏi điều tra được đăng tải công khai trên trang thông tin điện tử của Cơ quan điều tra (www.pvtm.gov.vn) và Bộ Công Thương (www.moit.gov.vn).

Thời hạn để các doanh nghiệp gửi bản trả lời câu hỏi là trước 17h00 ngày 23/10/2021 (giờ Hà Nội).